Ngày soạn……..
Ngày giảng……

CHƯƠNG I: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC
Bài 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ (T1)

I. MỤC TIÊU

- Giúp HS làm quen với lịch sử với tư cách là một môn khoa học thực sự, rất cần thiết và hữu ích cho cuộc sống con người. Là một khoa học, sử học có đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu riêng và có chức năng nhiệm vụ quan trọng trong đời sống con người.
- HS khắc phục những sai lầm, nhất là cách tư duy một chiều về lịch sử, coi lịch sử là môn học thuộc lòng những kiến thức có sẵn, không cần khám phá gì thêm và cũng không vận dụng được gì trong cuộc sống. Qua đó giúp HS phát triển toàn diện ba nhóm năng lực cơ bản của môn học, bao gồm năng lực tìm hiểu, năng lực nhận thức, tư duy lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trên cơ sở những kiến thức cơ bản, gần gũi hữu ích.
- Giúp HS phát triển những phẩm chất cốt lõi như: trung thực, khách quan, trách nhiệm, chăm chỉ và sáng tạo trong cuộc sống.

1. Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử thông qua ví dụ cụ thể.

- Giải thích được khái niệm Sử học.

- Nêu được chức năng nhiệm vụ và một số nguyên tắc cơ bản của Sử học

- Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập cụ thể (ở mức độ đơn giản)

- Phân biệt được các nguồn sử liệu, biết cách sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Giáo viên:**

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.
- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.
- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có) **.**

2. **Học sinh:**

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY -HỌC:

1 .HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung : Học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên sẽ trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Đây là sự kiện Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên cho HS xem một đoạn video về sự kiện Mĩ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Xem video và cho biết sự kiện lịch sử nào đang được nhắc tới trong video?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thưc

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Lịch sử là một dòng chảy liên tục theo thời gian từ quá khứ đến hiện tại, diễn ra một lần và không lặp lại. Lịch sử được hậu thế nhận thức dựa vào những mảnh vỡ của sự kiện (Tức sử liệu) và bị chi phối bởi quan điểm chủ quan của con người. Vậy làm thế nào để tiếp cận lịch sử một cách khách quan, trung thực gần

với sự thật nhất? Để trả lời cho câu hỏi này chúng ta cùng tìm hiểu vào bài học hôm nay.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Lịch sử

a. Mục tiêu: Học sinh trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử thông qua ví dụ cụ thể

- Góp phần hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử cho HS.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: Khái niệm lịch sử, hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Thảo luận cặp đôi

GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi và trả lời các câu hỏi sau:

? Lịch sử là gì?

? Hiện thực lịch sử là gì?

? Nhận thức lịch sử là gì?

Nhiệm vụ 2: Làm bài tập

- GV lấy ví dụ cho HS về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử

+ Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945 là Hiện thực lịch sử

+ Câu chuyện Con ngựa thành Tơ-roa là Nhận thức lịch sử

- Bài tập 1: xác định hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử:

GV đưa ra 1 số bài tập về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử để HS thực hiện

+ Sự kiện 1: Tại nơi đây, ngày 27/4/1521 La-pu-la-pu và người dân địa phương đã đẩy lùi quân xâm lược Tây Ban Nha và giết chết tên chỉ huy Ma-gien-lăng. Do đó, La-pu-la-pu đã trở thành người Phi-lip-pin đầu tiên đánh đuổi được quân xâm lược Châu Âu. (Bia tưởng niệm thủ lĩnh La-pu-la-pu)

+Sự kiện 2: Di tích bãi cọc Bạch Đằng

+ Sự kiện 3: Mũi tên bằng Đồng tìm thấy ở Cổ Loa (1959)

+Sự kiện 4: Chuyện nỏ thần

- Bài tập 2: Em hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa hai tư liệu (tư liệu 3 SGK)? Giải thích vì sao có sự khác nhau đó?

Tư liệu a	Tư liệu b
Tại nơi đây, ngày 27/4/1521 La-pu-la-pu và người dân địa phương đã đẩy lùi quân xâm lược Tây Ban Nha và giết chết tên chỉ huy	Tại nơi đây trong cuộc đụng độ với các chiến binh của La-pu-la-pu - thủ lĩnh đảo Mác-tan, Ma-gien-lăng đã chết vào ngày 27/4/1521.

Ma-gien-lăng. Do đó, La-pu-la-pu đã trở thành người Phi-lip-pin đầu tiên đánh đuổi được quân xâm lược Châu Âu.	Vich-to-ri-a một trong những con tàu của đoàn thám hiểm do Gioan Xê-bát-ti-an chỉ huy đã rời Xê-bu vào ngày 1/5/1521 trở về Tây Ban Nha. Hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới đầu tiên bằng đường biển.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

Dự kiến sản phẩm

Bài tập 1:

+ Sự kiện 1: Nhận thức lịch sử

+Sự kiện 2: Hiện thực lịch sử

+ Sự kiện 3: Hiện thực lịch sử

+ Sự kiện 4: Nhận thức lịch sử

Bài tập 2:

- Giống nhau

+ Cùng phản ánh về một sự kiện: Cuộc hành trình đi vòng quan thế giới bằng đường biển

+ Cùng đề cập đến một nhân vật lịch sử: Phéc-đi-Ma-gien-lăng (Chỉ huy đoàn thủy thủ) và La-pu-la-pu (Thủ lĩnh địa phương)

- Khác nhau

Tư liệu a	Tư liệu b
-Ma-gien-lăng tiếp tục chỉ huy đội quân xâm lược	- Ma-gien-lăng chỉ huy đoàn thủy thủ thực hiện cuộc phát kiến địa lí
Sự kiện đó là cuộc xâm lược đầu tiên của thực dân châu Âu đến Phi-líp-pin	Sự kiện đó là cuộc phát kiến địa lí vĩ đại: Lần đầu tiên con người đi vòng quanh thế giới bằng đường biển

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

I. **Lịch sử**

1. Hiện thực lịch sử

- Lịch sử: là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ. Lịch sử loài người là toàn bộ hoạt động của con người từ khi xuất hiện tới nay.

- Hiện thực lịch sử: Là toàn bộ những gì đã diễn ra trong quá khứ, tồn tại 1 cách khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người

2. Nhận thức lịch sử

- Nhận thức lịch sử: là những hiểu biết của con người với hiện thực lịch sử được trình bày theo những cách khác nhau.

Hoạt động 2. Sử học

a. Mục tiêu: Học sinh giải thích được khái niệm sử học; trình bày được đối tượng nghiên cứu của Sử học thông qua ví dụ cụ thể; nêu được chức năng, nhiệm vụ của Sử học.

- Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập cụ thể (ở mức độ đơn giản)
- HS phân biệt được các nguồn sử liệu; biết cách sưu tầm,thu thập, xử lí thông tin sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa quan sát tranh ảnh, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm*:* Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của Sử học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

+ Nhóm 1: Khái niệm, đối tượng nghiên cứu của Sử học

+ Nhóm 2: Chức năng của Sử học

+ Nhóm 3: Nhiệm vụ của Sử học

+ Nhóm 4: Nguyên tắc cơ bản của Sử học

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

II. Sử học.

1. Khái niệm Sử học

- Sử học là khoa học nghiên cứu lịch sử của xã hội loài người nói chung hoặc của một quốc gia, dân tộc, địa phươn, con người nói riêng.

2. Đối tượng nghiên cứu của Sử học

- Là quá trình phát trình, phát triển của xã hội loài người trong quá khứ. Như vậy, đối tượng của Sử học mang tính toàn diện.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Sử học

a. Chức năng

- Chức năng khoa học: lịch sử cung cấp tri thức khoa học nhằm khôi phục, miêu tả giải thích hiện tượng lịch sử một cách chính xác, khách quan
- Chức năng xã hội: lịch sử giúp con người tìm hiểu các quy luật phát triển của xã hội loài người trong quá khứ.
- Chức năng giáo dục: thông qua những tấm gương lịch sử, bài học lịch sử.

b. Nhiệm vụ

+ Rút ra bài học kinh nghiệm lịch sử phục vụ cuộc sống hiện tại.
+ Góp phần bồi dưỡng nhân sinh quan và thế giới quan khoa học, nâng cao trình độ nhận thức của con người.
+ Góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức và phát triển nhân cách con người.

4. Nguyên tắc cơ bản của Sử học

- Khách quan, trung thực, tiến bộ, toàn diện và cụ thể

3.HOẠT ĐỘNG LUYÊN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi thông qua trò chơi "Tây Du Kí". Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV **giao nhiêm vụ cho HS:**

- Giáo viên mời HS tham gia trò chơi "Tây Du Kí" và phổ biến luật chơi cho HS: Trong rừng có rất nhiều yêu quái xuất hiện để cản đường thầy trò Đường Tăng đi lấy kinh, em hãy giúp thầy trò Đường Tăng bằng cách vượt qua các câu hỏi của yêu quái.

Câu hỏi 1: : **Hiện thực lịch sử là gì?**

A. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ

B. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ của loài người

C. Là tất cả những gì diễn ra trong quá khứ mà con người nhận thức được.

D Là khoa học tìm hiểu về quá khứ

Câu hỏi 2: Nhận thức lịch sử là gì?

A.Là những mô tả của con người về quá khứ đã qua

B. Là những công trình nghiên cứu lịch sử

C. Là những hiểu biết của con người về quá khứ, được tái hiện hoặc trình bày theo những cách khác nhau

D.Là những lễ hội lịch sử văn hóa được phục dựng

Câu hỏi 3: **Ý nào sau đây KHÔNG phản ánh đúng nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu lịch sử?**

A. Tiến bộ

B. Vì người lao động

C. Trung thực

D. Khách quan

Câu hỏi 4: **Câu 4. Ý nào sau đây KHÔNG phải là đối tượng nghiên cứu của Sử học**

A. Quá khứ của toàn thể nhân loại

B. Quá khứ của một quốc gia hoặc khu vực trên thế giới

C. Quá khứ của một cá nhân hoặc một nhóm, một cộng đồng người

D. Những hiện tượng tự nhiên xảy ra trong quá khứ

Câu hỏi 5: **So với hiện thức lịch sử, nhận thức lịch sử có đặc điểm gì?**
A. Nhận thức lịch sử luôn phản ánh đúng hiện thực lịch sử
B . Nhận thức lịch sử không thể tái hiện đầy đủ hiện thực lịch sử
C. Nhận thức lịch sử thường lạc hậu hơn hiện thực lịch sử
D. Nhận thức lịch sử độc lập, khách quan với hiện thực lịch sử

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo thảo luận

Hs trả lời câu hỏi

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	D	B

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao. Thông qua đó HS rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, góp phần hình thành và phát triển năng lwujc tự tìm hiểu lịch sử, tự học lịch sử.

b. Nội dung: GV giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp.

c. Sản phẩm: Bài trả lời theo câu hỏi của giáo viên

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiêm vụ 1 cho HS:

Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS : Tìm kiếm thông tin để tái hiện và khôi phục lại sự kiên chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 bằng 1 đoạn văn ngắn từ 7-10 dòng.
Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:
Bước 3: HS trình bày
Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.
- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn.....
Ngày dạy.....

Bài 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ (T2)

I. MỤC TIÊU

- Giúp HS làm quen với lịch sử với tư cách là một môn khoa học thực sự, rất cần thiết và hữu ích cho cuộc sống con người. Là một khoa học, sử học có đối tượng nghiên cứu, nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu riêng và có chức năng nhiệm vụ quan trọng trong đời sống con người.
- HS khắc phục những sai lầm, nhất là cách tư duy một chiều về lịch sử, coi lịch sử là môn học thuộc lòng những kiến thức có sẵn, không cần khám phá gì thêm và cũng không vận dụng được gì trong cuộc sống. Qua đó giúp HS phát triển toàn diện ba nhóm năng lực cơ bản của môn học, bao gồm năng lực tìm hiểu, năng lực nhận thức, tư duy lịch sử và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trên cơ sở những kiến thức cơ bản, gần gũi hữu ích.
- Giúp HS phát triển những phẩm chất cốt lõi như: trung thực, khách quan, trách nhiệm, chăm chỉ và sáng tạo trong cuộc sống.

1. Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm lịch sử; phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử thông qua ví dụ cụ thể.

- Giải thích được khái niệm Sử học.

- Nêu được chức năng nhiệm vụ và một số nguyên tắc cơ bản của Sử học

- Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập cụ thể (ở mức độ đơn giản)

- Phân biệt được các nguồn sử liệu, biết cách sưu tầm, thu thập, xử lí thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu trong học tập lịch sử , trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên

quan đến bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

+ Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển các năng lực: Tìm hiểu lịch sử, nhận thức lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Giáo án (kế hoạch dạy học): Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Một số tranh ảnh, hiện vật lịch sử, một số tư liệu lịch sử tiêu biểu gắn với nội dung bài học.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có) **.**

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. Tiến trình dạy - học:

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

Bạn có tin trên thế giới này từng tồn tại 1 loài sinh vật to lớn được gọi là: Khủng Long? Vì sao bạn lại tin?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Sử học

a. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc cơ bản của sử học. Khái niệm nguồn sử liệu và các phương pháp tiếp cận nguồn sử liệu.

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Nhiệm vụ 1: Khái quát về các nguồn sử liệu

GV yêu cầu HS đọc SGK thực hiện nhiệm vụ

? Em hãy nêu khái niệm và những nguồn sử liệu cơ bản?

GV chia HS thành 4 nhóm

? Em hãy nêu khái niệm và lấy 2 ví dụ về các loại hình sử liệu cơ bản mà nhóm trình bày?

+ Nhóm 1: Lời noia truyền miệng
+ Nhóm 2: Hiện vật
+ Nhóm 3: Kĩ thuật đa phương tiện
+ Nhóm 4: Thành văn

Nhiệm vụ 2: Một số phương pháp cơ bản của Sử học

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Em hãy liệt kê và nêu 1 số phương pháp cơ bản của Sử học?

? Sơ đồ 1.3 phản ánh phương pháp tiếp cận nào?

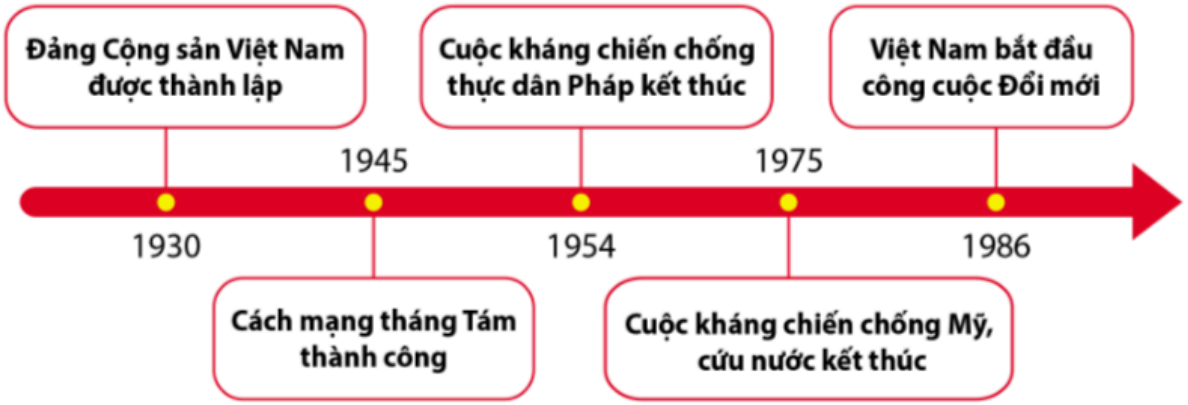

Sơ đồ 1.3. Các sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam trong thế kỉ XX

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS trình bày sản phẩm học tập
- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

II. Sử học

5. Khái quát về các nguồn sử liệu:

- Khái niệm

+ Sử liệu là những tài liệu để nghiên cứu và tái hiện lịch sử. Đó là những dấu vết vật chất và tinh thần của xã hội loài người trong quá khứ, cung cấp thông tin về hiện thực lịch sử.

- Các nguồn sử liệu:

+ Chia làm 2 nguồn sử liệu cơ bản: Sử liệu trực tiếp và sử liệu gián tiếp

6. Một số phương pháp cơ bản của Sử học

- Có hai phương pháp cơ bản đó là:

+ Phương pháp lịch sử

+ Phương pháp logic

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d.Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Tham gia trò chơi "Câu cá". Mỗi câu trả lời đúng HS sẽ mang về cho mình 1 chú cá.

Câu 1: Truyền thuyết Thánh Gióng thuộc loại tư liệu nào?

A. Tư liệu truyền miệng

B. Tư liệu gốc

C. Cả hai câu a và b đều đúng

D. Cả hai câu a và b đều sai

Câu 2: Những tấm bia ghi tên nhưng xnguowif đỗ tiến sĩ thời xưa ở văn miếu thuộc loại tư liệu nào?

A. Tư liệu hiện vật

B. Tư liệu chữ viết

C. Tư liệu truyền miệng

D. Tư liệu gốc

Câu 3: Những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết; vở chép tay,… từ quá khứ được lưu lại đến ngày nay là loại tư liệu nào?

A. Tư liệu hiện vật

B. Tư liệu truyền miệng

C. Nông nghiệp

D. Tư liệu gốc

Câu 4: Đâu là tư liệu hiện vật

A. Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh

B. Văn bia tiến sĩ

C. Truyền thuyết Sơn Tinh Thủy Tinh.

D. Trống đồng Đông Sơn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	A	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Hãy liệt kê nơi em sinh sống có những tư liệu lịch sử cụ thể nào giúp em tìm hiểu về những gì xảy ra trong quá khứ?

.**Bước 2:** HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn.....
Ngày dạy.....

BÀI 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG(T1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể
- Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.
- Năng lực chuyên biệt:

+ Tái hiện kiến thức, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tế

+ Rèn luyện kỹ năng: Sưu tầm và sử dụng tư liệu trong học tập lịch sử, kĩ năng giải thích phân tích sự kiện vấn đề lịch sử

+ Biết phân tích so sánh các sự kiện, liên hệ kiến thức đang học với thực tế cuộc sống

3. Thái độ

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, có ý thức trân trọng lịch sử - văn hóa dân tộc và thế giới, chăm chỉ tìm tòi khám phá lịch sử.
- Đề cao khả năng lao động sáng tạo, nhân dân thực sự trở thành chủ nhân của những thành tựu to lớn về kỹ thuật sản xuất của nhân loại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV

- Thiết kế giáo án theo định hướng phát triển năng lực, slide bài giảng điện tử, bảng thông minh.

2. HS: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. Tiến trình lên lớp

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.
b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.
- GV tổ chức trò chơi Hộp quà bí mật. HS sẽ nhận được 1 phần quà khi trả lời đúng câu hỏi

Câu 1: Nơi diễn ra ba trận thuỷ chiến quan trọng thời: Ngô, Tiền Lê, Trần (12 ô chữ).
Câu 2: Tên hai trận quyết chiến lược trong khởi nghĩa Lam Sơn? (17 ô chữ).
Câu 3: Tuyến phòng thủ quan trọng của nhà Lý trong trận chiến chống quân Tống xâm lược? (13 ô chữ).
Câu 4: Nguyễn Huệ đánh tan quân Xiêm trong trận đánh lịch sử nào? (14 ô chữ).
Câu 5: Chiến thắng lịch sử của Việt Nam buộc Pháp ký hiệp định Giơnevơ (11 ô chữ).
? Theo các em cuộc sống của chúng ta sẽ ra sao nếu như chúng ta không có chút hiểu biết gì về việc trong quá khứ ông bà, tổ tiên,… đã sinh sống, lao động như thế nào để xây dựng nên gia đình, dòng tộc, quốc gia dân tộc như ngày nay?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thưc
GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.
Sản phẩm dự kiến
Câu 1: Sông bạch Đằng
Câu 2: Chi lăng Xương Giang
Câu 3: Sông Như nguyệt
Câu 4: Rạch Gầm Xoài Mút
Câu 5: Điện Biên Phủ

Lịch sử và cuộc sống là một quá trình phát triển mà hiện tại bắt đầu từ sự kế thừa, phát triển quá khứ và chuẩn bị cho tương lai. Lịch sử giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội . Nhưng làm thế nào để khám phá lịch sử và tại sao phải học lịch sử suốt đời? Để trả lời cho câu hỏi này chúng ta cùng tìm hiểu vào bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức
Hoạt động 1. Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Nhiệm vụ 1: Vai trò

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Quan sát các tư liệu dưới đây và cho biết vai trò của tri thức lịch sử?

? Theo em quá khứ có mối quan hệ như thế nào với hiện tại và tương lai? Những bài học kinh nghiệm trong lịch sử có giá trị như thế nào?

? Em có suy nghĩ gì về các câu nói sau: Một dân tộc mà không có kiến thức về lịch sử, nguồn gốc và văn hóa về dân tộc mình thì cũng giống như cây không có gốc" (Mác-cớt Ga-vây)

Nhiệm vụ 2: Ý nghĩa

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Theo em, tri thức lịch sử có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cá nhân và xã hội?

? Theo em, chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự đoán như thế nào về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong di chúc của mình?

Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. "Còn non, còn nước, còn người

Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay"

Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

I. Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử

1. Vai trò

- Tri thức lịch sử là những hiểu biết của con người về các lĩnh vực liên quan đến lịch sử.
- Tri thức lịch sử giúp con người nhận thức về cội nguồn, bản sắc của bản thân, gia đình, cộng đồng, dân tộc.

b. Ý nghĩa

- Tri thức lịch sử luôn để lại cho đời sau những bài học quý giá.
- Tri thức lịch sử là nền tảng vững chắc của truyền thống yêu nước, là niềm tự hào và là điểm tựa cho lòng tin vào sức mạnh dân tộc.
- Học tập lịch sử giúp hiểu rõ quá khứ, là cơ sở để nhận thức hiện tại và dự báo tương lai.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho HS làm việc cặp đôi, trả lời câu hỏi sau

Câu 1: Ý nào sau đây KHÔNG phản ánh đúng vai trò của tri thức lịch sử?

A . Cung cấp những tri thức về sự phát triển của sinh giới

B. Cung cấp những thông tin về quá khứ để hiểu về cội nguồn của gia đình, dân tộc, nhân loại…

C. Góp phần lưu truyền tạo nên yếu tố cốt lõi của ý thức dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc.

D. Hiểu quá khứ để lí giải những vấn đề xảy ra trong hiện tại và dự đoán tương lai

Câu 2: Điểm chung trong nội dung phản ánh của hai đoạn trích dẫn là gì?

"Sử để ghi việc mà việc hay hoặc dỡ đều dung làm gương răn cho đời sau" (Ngô Sĩ Liên)" Dân ta phải biết sử ta Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam" (Hồ Chí Minh)

A. Sử được dung làm gương răn dạy đời sau

B. Người Việt Nam cần phải hiểu biết về lịch sử Việt Nam

C. Vai trò, ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với cuộc sống

D. Người Việt Nam cần phải tường tận về gốc tích của mình

Câu 3: Đọc sử liệu và cho biết Trần Hưng Đạo đã tìm hiểu và kế thừa những sử liệu nào để làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288.

“Miếu Vua bà đặt cạnh đền thờ Trần Hưng Đạo bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử thuộc phường Yên Giang, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

Theo các cụ quản lý di tích miếu Vua Bà kể lại: Xưa kia có bà bán hàng nước bên gốc cây Quyếch cổ thụ. Trước khi trận chiến Bạch Đằng xảy ra, Trần Hưng Đạo đã đi thị sát vùng cửa sông Bạch Đằng và đã hỏi bà hàng nước về con nước thủy triều lên xuống. Bà hàng nước đã cung cấp tỷ mỉ về lịch con nước lên xuống góp phần tạo chiến thắng lẫy lừng năm 1288. Sau khi thắng giặc, Trần Hưng Đạo đã quay lại tìm bà hàng nước nhưng không tìm thấy, liền phong bà làm Quốc mẫu vua bà và lập miếu thờ bên cạnh cây Quyếch cổ thụ.”

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Hãy kể 1 số tri thực lịch sử, bài học lịch sử em tiếp nhận trong quá trình học tập môn Lịch sử được em vận dụng vào thực tiễn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

BÀI 2. TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại thông qua ví dụ cụ thể
- Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.
- Năng lực chuyên biệt:

+ Tái hiện kiến thức, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tế

+ Rèn luyện kỹ năng: Sưu tầm và sử dụng tư liệu trong học tập lịch sử, kĩ năng giải thích phân tích sự kiện vấn đề lịch sử

+ Biết phân tích so sánh các sự kiện, liên hệ kiến thức đang học với thực tế cuộc sống

3. Thái độ

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, có ý thức trân trọng lịch sử - văn hóa dân tộc và thế giới, chăm chỉ tìm tòi khám phá lịch sử.
- Đề cao khả năng lao động sáng tạo, nhân dân thực sự trở thành chủ nhân của những thành tựu to lớn về kỹ thuật sản xuất của nhân loại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. GV

- Thiết kế giáo án theo định hướng phát triển năng lực, slide bài giảng điện tử, bảng thông minh.

2. HS: Sgk, vở ghi, đồ dùng học tập, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

GV cho HS nghe bài hát: Nhớ về cội nguồn (Hồ Tuấn) hỏi HS:

? Bài hát đề cập đến vấn đề gì? Em hiểu thế nào là cội nguồn?

? Vì sao con người có nhu cầu tìm hiểu về bản thân và xã hội?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thực

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Học tập và tìm hiểu lịch sử suốt đời

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Nhiệm vụ 1: Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời

Đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi

? Em hãy giải thích vì sao con người phải học tập lịch sử suốt đời? Cho ví dụ.

? Nhìn vào hình lá cờ, trang phục truyền thống đoán tên quốc gia

Nhiệm vụ 2: Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử.

HS đọc SGK và trả lời câu hỏi

? Vì sao khi nghiên cứu lịch sử phải thu thập thông tin, sử liệu?

Nhiệm vụ 3: Kết nối tri thức, bài học lịch sử vào cuộc sống

GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi thảo luận và hoàn thành phiếu học tập

Bài	Tri thức, bài học lịch sử	Nội dung vận dụng vào thực tiễn
1	Bài học về lòng yêu nước và đại đoàn kết toàn dân tộc	Trong đại dịch covit vừa qua cả nước đã cùng đồng lòng thực hiện những biện pháp do Đảng và nhà nước đề ra đề đẩy lùi đại dịch.
2		

? Hãy kể một số tri thức lịch sử, bài học lịch sử em tiếp nhận trong quá trình học tập môn Lịch sử đã được em vận dụng vào thực tiễn

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

II. Học tập và khám phá lịch sử suốt đời

1. Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời

- Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng
- Tri thức về lịch sử biến đổi không ngừng và phát triển
- Việc học tập lịch sử suốt đời giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức….

2. Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử.

- Là những hoạt động quan trọng trong quá trình học tập, tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử.
- Dùng các nguồn thông tin, sử liệu thu thập được để khôi phục, giải thích, đánh giá sự kiện lịch sử, từ đó có những phát hiện mới làm giàu tri thức cho nhân loại.

3. Kết nối tri thức, bài học lịch sử vào cuộc sống

- Lịch sử cung cấp cho con người những kinh nghiệm quý báu của người xưa trong cuộc sống, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Lịch sử cho biết về những giá trị truyền thống và văn hóa mỗi quốc gia, dân tộc.
- Bảo tàng là nơi lưu giữ tập trung nhất các nguồn sử liệu của hiện thực lịch sử

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi Plants vs Zombies

Để diệt zombies các em sẽ phải vượt qua những câu hỏi sau

Câu 1: Ý nào sau đây KHÔNG phản ánh đúng lí do cần phải học tập lịch sử suốt đời?

A . Lịch sử là môn khó, cần phải học suốt đời để hiểu được lịch sử

B. Tri thức và kinh nghiệm từ quá khứ rất cần cho hiện tại và định hướng cho tương lai

C. Nhiều sự kiện, quá trình lịch sử vẫn chứa đựng nhiều điều bí ẩn cần phải tiếp tục tìm tòi khám phá

D. Học tập và tìm tòi lịch sử giúp đưa lại nhưng cơ hội nghề nghiệp thú vị

Câu 2: **Hình thức nào KHÔNG phù hợp với môn lịch sử**

A. Học trên lớp

B. Xem phim tài liệu lịch sử

C. Tham quan, điền dã

D. Học trong phòng thí nghiệm

Câu 3 Bước đầu tiên trong quy trình thu thập, xử lý thông tin và sử liệu là:

A. lập thư mục và danh mục các sử liệu cần thu thập

B. Sưu tầm, đọc và chép thông tin sử liệu

C. Chọn lọc và phân loại sử liệu

D. Xác minh, đánh giá về nguồn gốc sử liệu

Câu 4: Sử liệu đóng vai trò là cầu nối giữa:

A. Khảo sát và tìm kiếm

B. Hiện thức lịch sử và tri thức lịch sử

C. Giữa phân loại và đánh giá

D. Quá khứ và thực tại

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	D	A	B

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Liên hệ và cho biết một số truyền thống tốt đẹp được hình thành trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Các truyền thống đó được phát huy như thế nào trong bối cảnh đại dịch Covit 19?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Học bài, hoàn thành các bài tập

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

Bài 3: SỬ HỌC VỚI CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC KHÁC (T1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giải thích được Sử học là một môn khoa học có tính liên ngành.
- Phân tích được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.
- Nêu được vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với nghiên cứu lịch sử
- Giải thích được sự hỗ trợ của Sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

2. Năng lực

- Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực chuyên biệt:

+ Tái hiện kiến thức, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tế

+ Rèn luyện kỹ năng: Sưu tầm và sử dụng tư liệu trong học tập lịch sử, kĩ năng giải thích phân tích sự kiện vấn đề lịch sử

+ Biết phân tích so sánh các sự kiện, liên hệ kiến thức đang học với thực tế cuộc sống

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Giáo viên:**

- Thiết kế giáo án theo định hướng phát triển năng lực, slide bài giảng điện tử, bảng thông minh.
- Một số tư liệu có liên quan

2. Học sinh:

- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập
- Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của GV

III. Tiến trình lên lớp

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Sử học thuộc khoa học tự nhiên hay khoa học xã hội?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thưc

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Sử học là khoa học ra đời sớm với đối tượng nghiên cứu rộng, có liên quan đến nhiều ngành khoa học khác. Các ngành khoa học càng phát triển càng có sự giao thoa lẫn nhau về tri thức của xã hội loài người. Vậy sử học và các khoa học khác có mối quan hệ lẫn nhau như thế nào. Bài học này sẽ giúp các em hiểu rõ hơn.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Sử học-môn khoa học mang tính liên nghành

a. Mục tiêu:

- Giải thích được Sử học là một môn khoa học có tính liên ngành.
- Phân tích được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

Quan sát sơ đồ sau và giải thích: Vì sao Sử học là môn khoa học mang tính chất liên nghành. Lấy ví dụ?

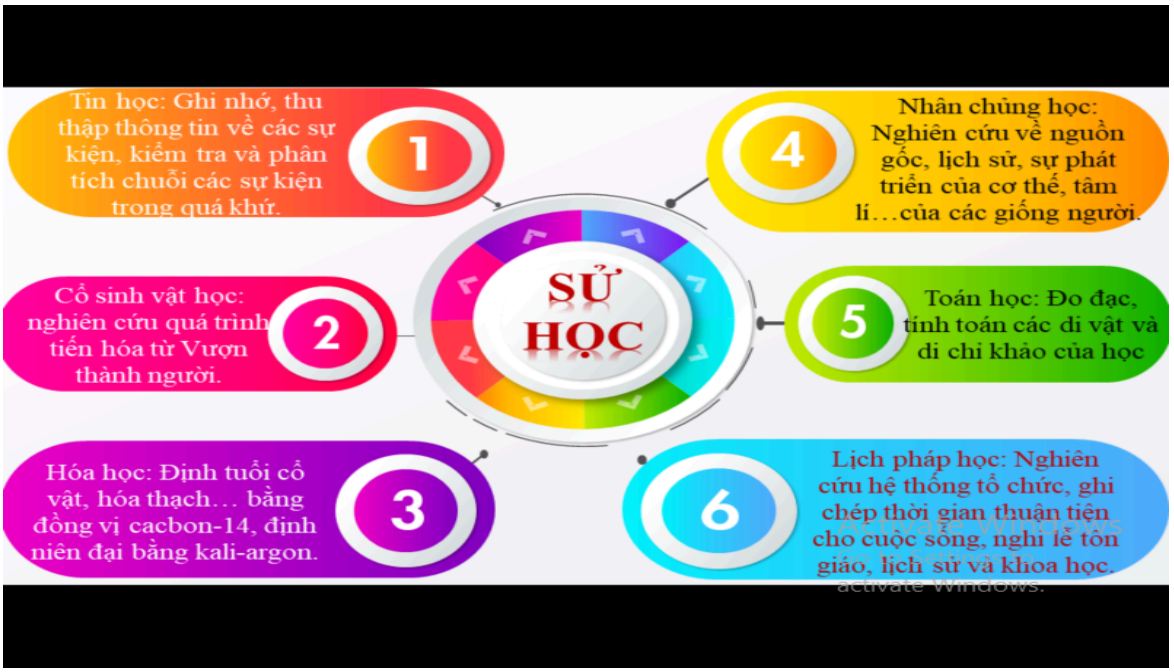

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

1. Sử học - môn khoa học mang tính liên nghành

- Sử học là ngành khoa học có đối tượng nghiên cứu rộng, liên quan đến nhiều ngành khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Sử học sử dụng tri thức từ các ngành khác nhau để tìm hiểu, nghiên cứu vấn đề một cách toàn diện, hiệu quả, khoa học về con người và xã hội loại người.

Hoạt động 2: Mối liên hệ giữa Sử học với các nghành khoa học xã hội và nhân văn khác

a. Mục tiêu : Phân tích được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

? Quan sát những tư liệu sau đây và cho biết tên các ngành khoa học có liên quan? Và hỗ trợ gì cho Sử học

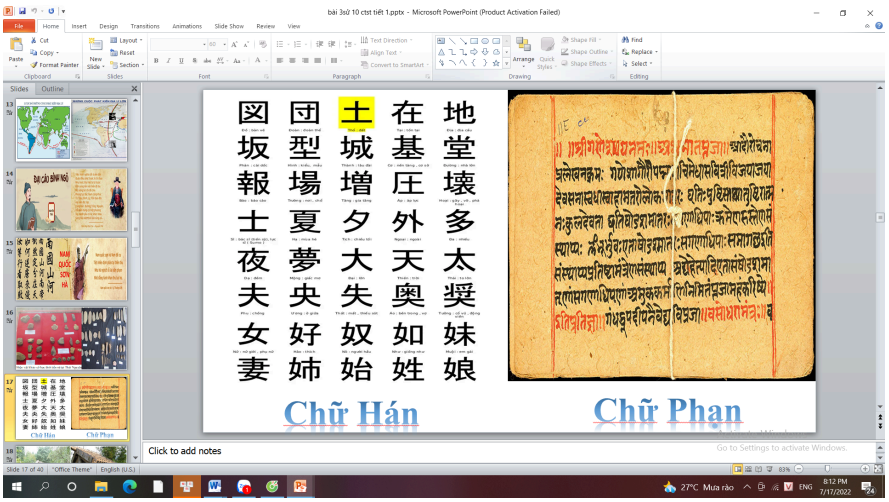

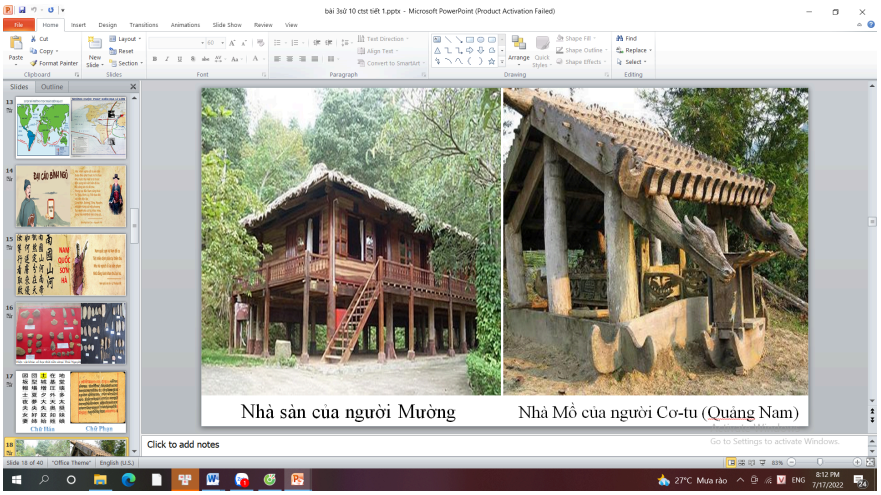

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

II. Mối liên hệ giữa Sử học với các nghành khoa học xã hội và nhân văn khác

- Sử học và các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác đều lấy xã hội loài người làm đối tượng nghiên cứu, chính vì vậy mà mối quan hệ mật thiết với nhau.
- Các ngành khoa học xã hội nhân văn khác có thể hỗ trợ khoa học lịch sử trên các phương diện tri thức, kết quả nghiên cứu…

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.
b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Tổ chức trò chơi Đá bóng Thông qua việc trả lời các câu hỏi trắc nghiệm để đưa bóng vào gôn.

Câu 1: Sử học là môn khoa học có tính chất liên nghành vì:
A. Đối tượng nghiên cứu đa dạng và toàn diện
B. Phạm vi nghiên cứu nhỏ hẹp và phức tạp
C. Lĩnh vực nghiên cứu đơn giản
D. Đối tượng nghiên cứu hẹp và sâu

Câu 2: **Việc sử dụng tri thức từ nghành khoa học khác nhau để nghiên cứu giúp Sử học giải quyết vấn đề một cách:**
A. Cụ thể và đơn giản
B. Toàn diện và chính xác tuyệt đối
C. Toàn diện, cụ thể và chính xác
D. Đơn giản và hiệu quả

Câu 3: **Với các nghành khoa học xã hội và nhân văn khác, Sử học KHÔNG có khả năng nào sau đây?**
A. Xử lí dữ liệu, hỗ trợ kĩ thuật và công nghệ tiên tiến, hiện đại
B. Cung cấp thông tin về bối cảnh hình thành và phát triển
C. Xác định rõ nhân tố tác động đến quá trình hình thành, phát triển
D. Dự báo xu hướng vận động phát triển trong tương lai

Câu 4: **Với các nghành khoa học xã hội và nhân văn, Sử học có khả năng**
A. Hợp nhất
B. Nghiên cứu độc lập
C. Hợp nhất từng nghành
D. Liên kết

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4

Đáp án	A	C	A	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Hãy xây dựng 1 bài giới thiệu về trường học/gia đình của em,…trong những năm gần đây (lưu ý: bài viết thể hiện việc vận dụng những thông tin, kiến thức, kí năng, phương pháp liên nghành).

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

Bài 3: SỬ HỌC VỚI CÁC LĨNH VỰC KHOA HỌC KHÁC (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Giải thích được Sử học là một môn khoa học có tính liên ngành.
- Phân tích được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.
- Nêu được vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với nghiên cứu lịch sử
- Giải thích được sự hỗ trợ của Sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

2. Năng lực

- Năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Năng lực chuyên biệt:

+ Tái hiện kiến thức, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử, so sánh, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tế

+ Rèn luyện kỹ năng: Sưu tầm và sử dụng tư liệu trong học tập lịch sử, kĩ năng giải thích phân tích sự kiện vấn đề lịch sử

+ Biết phân tích so sánh các sự kiện, liên hệ kiến thức đang học với thực tế cuộc sống

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Giáo viên:**

- Thiết kế giáo án theo định hướng phát triển năng lực, slide bài giảng điện tử, bảng thông minh.
- Một số tư liệu có liên quan

2. Học sinh:

- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập
- Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của GV

III. Tiến trình lên lớp

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS xem 1 đoạn video về Lịch sử và sự hình thành máy tính, HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Nêu cảm nhận của em về đoạn video trên?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thưc

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Vai trò của sử học với các nghành khoa học tự nhiên và công nghệ

a. Mục tiêu:

- Nêu được vai trò của các môn khoa học tự nhiên và công nghệ đối với nghiên cứu lịch sử

- Giải thích được sự hỗ trợ của Sử học đối với các ngành khoa học tự nhiên và công nhiên.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

b. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1,3: Sử học có vai trò như thế nào đối với các nghành khoa học tự nhiên và công nghệ? Lấy ví dụ.

+ Nhóm 2,4: Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ có vai trò quan trọng như thế nào đối với sử học? Lấy ví dụ.

Hoạt động cá nhân:

? Các tác phẩm trong hình dưới đây có được xem là tác phẩm lịch sử không? Vì sao.

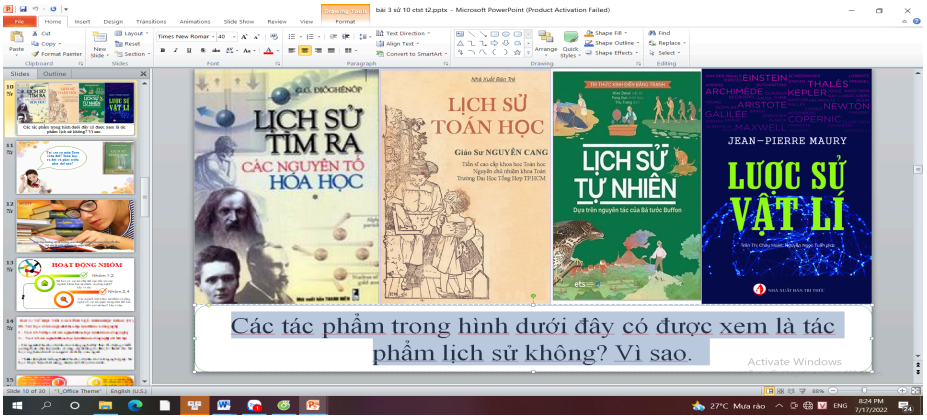

? Tại sao có môn Toán trên đời? Toán học ra đời và phát triển như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức

- GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.

III. Mối liên hệ giữa Sử học với các nghành khoa học tự nhiên và công nghệ

1. Vai trò của Sử học với các nghành khoa học tự nhiên và công nghệ

- Cung cấp thông tin quá khứ, hiện tại và dự báo sự vận động phát triển, phục vụ cho các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

- Xác định không gian, bối cảnh lịch sử qua các thời kì, giúp cho các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ hiểu rõ bản chất của sự hình thành và phát triển.
- Phục dựng lịch sử phát triển các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ.

2. Vai trò của các nghành khoa học tự nhiên và công nghệ đối với Sử học

- Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ tùy theo đối tượng và kết quả nghiên cứu của mình sẽ cung cấp những tri thức, kĩ thuật cho Sử học nghiên cứu về con người và xã hội loài người.
- Thành tựu phát triển nghành khoa học tự nhiên và công nghệ giúp Sử học thực hiện chức năng, nhiệm vụ xã hội của mình

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi Câu cá. Thông qua việc trả lời các câu hỏi để câu những chú cá.

Câu 1: Xem hình dưới đây và cho biết Các tư liệu đó là kết quả của việc ứng dụng tri thức/ phương pháp nghiên cứu của ngành nào?

A. Địa lí học
B. Khảo cổ học
C. Địa chất học
D. Sinh học

Câu 2: **Xem hình dưới đây và cho biết Các tư liệu đó là kết quả của việc ứng dụng tri thức/ phương pháp nghiên cứu của ngành nào?**

A. Khảo cổ học
B. Địa lí học
C. Địa chất học
D. . Sinh học

Câu 3: **Xem hình dưới đây và cho biết Các tư liệu đó là kết quả của việc ứng dụng tri thức/ phương pháp nghiên cứu của ngành nào?**

A. Địa chất học
B. Địa lí học
C. Hóa học
D. Sinh học

Câu 4: **Xem hình dưới đây và cho biết Các tư liệu đó là kết quả của việc ứng dụng tri thức/ phương pháp nghiên cứu của ngành nào?**

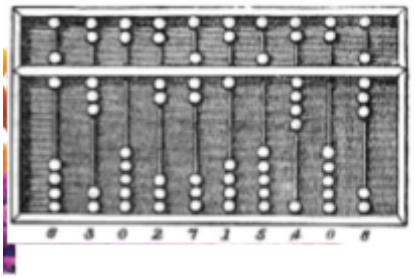

A. Địa chất học
B. Địa lí học
C. Sinh học
D. Toán học

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	A	C	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn
+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Thực hiện dự án học tập (theo nhóm) Ứng dụng công nghệ để xây dựng bài thuyết trình và thuyết trình về một vấn đề lịch sử mà nhóm chọn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn .....

Ngày dạy.....

BÀI 4: SỬ HỌC VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ HIỆN ĐẠI (T1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân tích được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.
- Phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.
- Trình bày được tác động của sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa đối với việc quảng bá cho truyền thống lịch sử và giá trị văn hóa của dân tộc, tri thức lịch ử và văn hóa nhân loại.
- Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch thông qua ví dụ cụ thể
- Phân tích được tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Biết vận động mọi người xung quanh tham gia bảo vệ các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên ở địa phương

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, có ý thức trân trọng và bảo vệ những di tích lịch sử - văn hóa, chăm chỉ tìm tòi, khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**
   - Phương tiện làm việc nhóm
   - Phiếu học tập
2. **Chuẩn bị của học sinh:**
   - Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động khởi động:

a.Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.

b.Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

Xem video và cho biết đây là di sản văn hóa nào đang được nhắc tới trong video?

A. Quan họ
B. Chèo
C. Nhã nhạc cung đình Huế

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

Qua hàng nghìn năm lịch sử, Việt Nam đã tạo dựng được nhiều di sản có giá trị to lớn, nhiều di sản và di tích đã được phân loại, xếp hạng, nhiều di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được UNESSCO ghi danh là di sản thế giới. Điều đó đặt ra nhiệm vụ gì cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản? Sử học đóng góp gì cho công tác này cũng như cho công nghiệp văn hóa và du lịch ngày này. Chúng ta hãy cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Sử học với sự phát triển ngành Công nghiệp hóa

a. Mục tiêu: Phân tích được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia HS thành 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Di sản văn hóa là gì? Sử học có vai trò như thế nào đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

+ Nhóm 2: Phố cổ Hà Nội trong hình 4.2 và Chùa Cầu (Hội An) trong hình 4.3 có phải là di sản văn hóa hay không? Vì sao chúng được bảo tồn đến nay?

+ Nhóm 3: Quan sát hình 4.4 và giải thích vì sao phải có ý thức bảo tồn Thánh địa Mỹ Sơn? Vì sao chúng ta cần phải ngăn chặn việc phá hủy các di tích lịch sử, văn hóa

+ Nhóm 4: Việc bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa không đúng cách sẽ gây ra tác hại gì? Hãy nêu một số biện pháp để bảo tồn các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

Làm việc cá nhân: Sau khi thảo luận nhóm HS sẽ đọc SGK làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi

? Vì sao chúng ta cần phải ngăn chặn việc phá hủy các di tích lịch sử, văn hóa?

? Việc bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa không đúng cách sẽ gây ra tác hại gì?

Trò chơi thử tài âm nhạc:

GV tổ chức cho HS tham gia: Cả lớp sẽ xem qua 1 lượt đoạn nhạc về 1 điệu hát quan họ. Sau khi nghe xong mỗi tổ sẽ cử 1 đại diện hát. Nếu trong trường hợp tổ không cử được ai hát thì cả tổ sẽ hát. Tổ nào hát hay nhất sẽ có 1 phần quà.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

I. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

1. Mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Di sản văn hóa là những sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Kết quả nghiên cứu của Sử học khẳng định giá trị của các di sản văn hóa, là cơ sở bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị của các di sản đó.

2. Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.

- Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản góp phần quan trọng nhất trong việc hạn chế cũng như khắc phục có hiệu quả những tác động tiêu cực của điều kiện tự nhiên, của con người, góp phần kéo dài tuổi thọ của di sản vì sự phát triển bền vững
- Đối với loại hình di sản văn hóa phi vật thể loại tài sản dễ bị tổn thương nhất, nhờ công tác bảo tồn di sản thông qua những giải pháp khác nhau mà di sản được tái tạo, giữ gìn và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:
Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS
GV tổ chức trò chơi "Diệt virut corona ". Trò chơi gồm 4 câu hỏi trắc nghiệm
Ở mỗi câu hỏi, các em sẽ có thời gian 20 giây để đưa ra đáp án.Mỗi một câu trả lời đúng sẽ tiêu diệt được virut

Câu 1. Sử học có mối quan hệ như thế nào với di sản văn hóa?

A. Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản

B. Bảo tồn và khôi phục các di sản

C. Bảo vệ và lưu giữ các di sản

D. Bảo vệ, khôi phục các di sản

Câu 2. Di tích Chùa Thiên Mụ là di sản văn hóa nào dưới đây:

A. Di sản văn hóa phi vật thể

B. Di sản thiên nhiên

C. Di sản văn hóa vật thể

D. Di sản ẩm thực

Câu 3. Hát Xoan là di sản văn hóa nào dưới đây:

A. Di sản văn hóa vật thể

B. Di sản thiên nhiên

C. Di sản văn hóa phi vật thể

D. Di sản ẩm thực

Câu 4. Trong bảo tồn và phát huy giá trị của di sản, yêu cầu quan trọng nhất đặt ra là gì?

A. Đáp ứng yêu cầu quảng bá hình ảnh về đất nước, con người Việt Nam

B. Phải đảm bảo giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học vì sự phát triển bền vững

C. Phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội

D. Phải đảm bảo giá trị thẩm mĩ của di sản

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	C	B

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Hoàn thành bảng sau

Giới thiệu về một di sản nước ta được UNESCo công nhận là di sản văn hóa thế giới bằng 1 bài viết ngắn.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

BÀI 4: SỬ HỌC VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ HIỆN ĐẠI (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Phân tích được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.
- Phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.
- Trình bày được tác động của sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa đối với việc quảng bá cho truyền thống lịch ử và giá trị văn hóa của dân tộc, tri thức lịch ử và văn hóa nhân loại.
- Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch thông qua ví dụ cụ thể
- Phân tích được tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
+ Biết vận động mọi người xung quanh tham gia bảo vệ các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên ở địa phương

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, có ý thức trân trọng và bảo vệ những di tích lịch sử - văn hóa, chăm chỉ tìm tòi, khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu nội dung bài mới.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

HS xem đoạn video về Thánh địa Mỹ Sơn và trả lời câu hỏi:

? Địa danh nào được tới trong đoạn video?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Sử học với sự phát triển ngành công nghiệp văn hóa.

a. Mục tiêu:

- Phân tích được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên.
- Phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.
c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.
d. Tổ chức thực hiện
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
Nhiệm vụ 1: Vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.
? Dựa vào hình 4.5 và những hiểu biết cá nhân, em hãy cho biết vai trò của Sử học đối với lĩnh vực công nghiệp văn hóa? Lấy ví dụ.
Nhiệm vụ 2: Vai trò của một số ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa đối với Sử học
? Em hãy cho biết vai trò của ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa đối với sử học? Lấy ví dụ.
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
GV khuyến khích học sinh hợp tác.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận.
HS trả lời, nhóm khác nhận xét
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

II. Sử học với sự phát triển Công nghiệp hóa.
1. Vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá
- Sử học cung cấp chất liệu cốt lõi, tri thức, ý tưởng và cảm hứng cho một số ngành nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.
- Sử học góp phần thúc đẩy sáng tạo những sản phẩm có giá trị của công nghiệp văn hóa
2. Vai trò của các ngành nghề trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá đối với Sử học.
- Cung cấp những thông tin, tư liệu quý giá giúp Sử học khôi phục bức tranh lịch sử xã hội một cách đầy đủ, chính xác và sinh động hơn
- Công nghiệp văn hóa phát triển với nhiều ngành nghề mới đặt ra nhu cầu xã hội và nhu cầu nội tại của công nghiệp văn hóa thúc đẩy Sử học nghiên cứu các di sản

Hoạt động 2: Sử học với sự phát triển du lịch

a. Mục tiêu: Trình bày được tác động của sự phát triển của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp văn hóa đối với việc quảng bá cho truyền thống lịch sử và giá trị văn hóa của dân tộc, tri thức lịch ử và văn hóa nhân loại.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.
c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.
d. Tổ chức thực hiện
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
Nhiệm vụ 1: Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch
HS đọc SGK và trả lời câu hỏi
? Qua những hình ảnh này em có thể cho biết tác động của Sử học đối với sự phát triển du lịch?

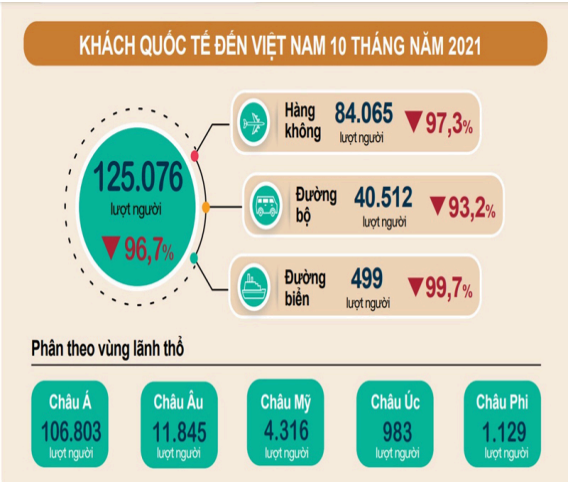

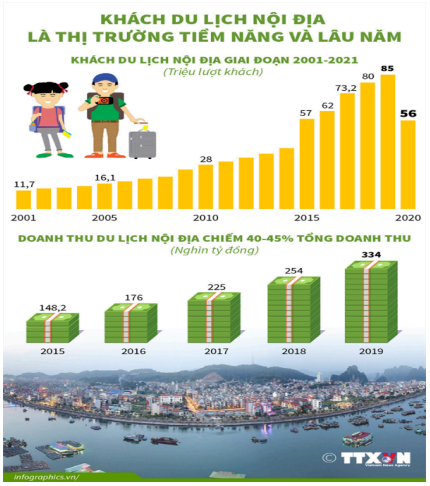

? Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương- di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại có những giá trị lịch sử và văn hóa như thế nào?

? Lễ hội nghinh Ông là nét văn hóa của cư dân vùng nào ở nước ta? Lễ hội này có ý nghĩa như thế nào về mặt lịch sử.

Nhiệm vụ 2: Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá
? Dựa vào sơ đồ 4.2 em hãy phân tích những tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa? Lấy ví dụ cụ thể và phân tích.

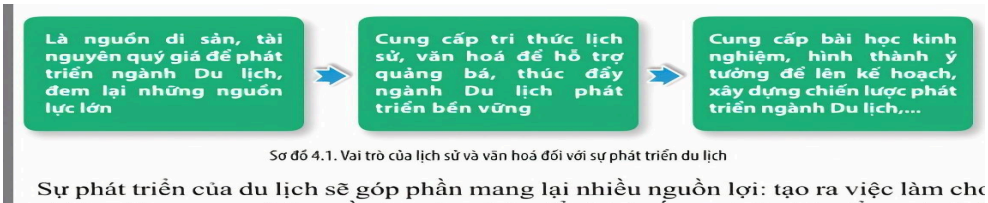

Sơ đồ 4.1. Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch

Sự phát triển của du lịch sẽ góp phần mang lại nhiều nguồn lợi: tạo ra việc làm cho người lao động; mang lại nguồn lực cho phát triển kinh tế – xã hội; thúc đẩy quá trình hội nhập và giao lưu quốc tế; quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài;...

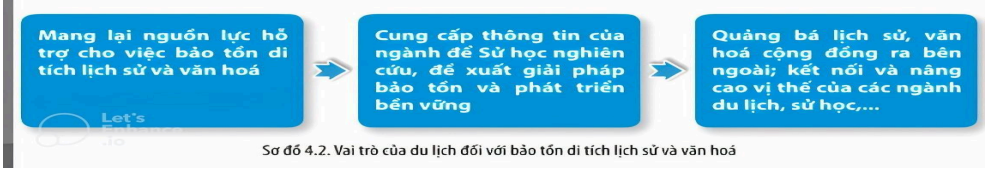

Sơ đồ 4.2. Vai trò của du lịch đối với bảo tồn di tích lịch sử và văn hoá

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

III. Sử học với sự phát triển du lịch

1. Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch

- Các di tích lịch sử - văn hóa là tài nguyên du lịch có sức hấp dẫn to lớn, là động lực thu hút ngày càng nhiều du khách trong nước và quốc tế.
- Du lịch khai thác các di sản văn hóa, lịch sử, giúp con người hưởng thụ giá trị của di sản thiên nhiên và di sản văn hóa.

2. Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hoá

- Du lịch chính là nguồn động lực thúc đẩy sự tăng cường bảo tồn và phát huy những giá trị di tích lịch sử-văn hóa của địa phương, dân tộc.
- Du lịch văn hóa phát triển vừa tạo ra việc làm, thu nhập cho người lao động, vừa tạo nguồn lực kinh tế để bảo tồn và phát huy giá trị các di sản.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi" Chiếc vòng đa sắc". Trò chơi gồm 4 câu hỏi trắc nghiệm Ở mỗi câu hỏi, các em sẽ có thời gian 10 giây để đưa ra đáp án.Để trả lời, em sẽ giơ thẻ màu tương ứng với màu đáp án:

Câu 1. Lĩnh vực/loại hình nào sau đây không thuộc công nghiệp văn hóa?

A. Du lịch khám phá

B. Điện ảnh

C. Thời trang

D. Xuất bản

Câu 2. Công nghiệp hóa có vai trò nào dưới đây đối với sự phát triển của Sử học?

A. Cung cấp những tri thức liên quan đến khoa học lịch sử

B. Phát huy, quảng bá các giá trị của lịch sử, văn hóa dân tộc

C. Nghiên cứu, đề xuất các chiến lược phát triển bền vững

D. Cơ sở hình thành ý tưởng và nguồn cảm hứng hoạt động

Câu 3. Lĩnh vực nào sau đây thuộc công nghiệp văn hóa

A. Du lịch mạo hiểm

B. Nghành du lịch nói chung

C. Du lịch văn hóa

D. Du lịch khám phá

Câu 4. Hình ảnh từ bộ phim lịch sử nổi tiếng Thủ lĩnh nô lệ của điện ảnh Mỹ thuộc lĩnh vực nào?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Hoàn thành bảng sau

Giả sử em có định hướng nghề nghiệp là một hoặc một số lĩnh vực nêu trên của công nghiệp văn hóa. Hãy đề xuất một sô ý tưởng trong học tập lịch sử để trang bị cho mình những hiểu biết, tri thức môn học nhằm phục vụ cho nghề nghiệp tương lai.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn.....
Ngày dạy.....

CHƯƠNG II: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ - TRUNG ĐẠI

Bài 5: KHÁI QUÁT LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI CỔ - TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm được:

- Giải thích và phân biệt được khái niệm văn hóa và văn minh
- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh thế giới trên trục thời gian
- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Đông
- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng cho HS

- Biết trân trọng giá trị, có nhận thức và hành động góp phần bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn minh nhân loại.
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan trung thực chăm chỉ có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC – HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giáo án word theo định hướng phát triển năng lực học sinh
- Một số tư liệu có liên quan.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước sách giáo khoa và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

III. Tiến trình dạy - học:

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Giúp khơi gợi tính tò mò của HS. Sau đó đưa học sinh vào tìm

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS xem hình ảnh: Các nền văn minh: Nền văn minh Maya, Nền văn minh Trung Hoa, Nền văn minh Angko, Nền văn minh Ai Cập

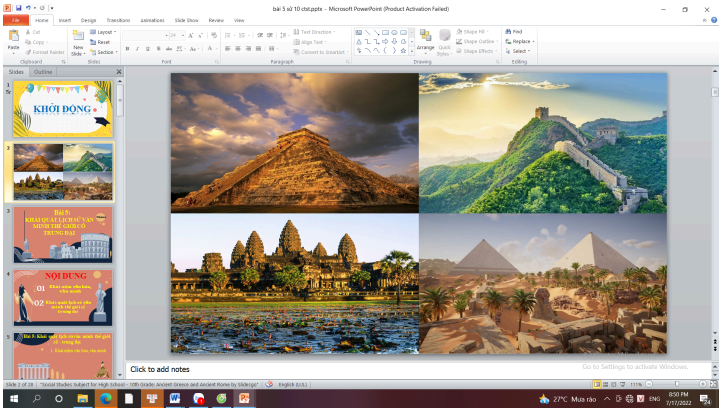

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Nhìn vào những hình ảnh trên em liên tưởng đến nền văn minh nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thực

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Theo dòng lịch sử hàng nghìn năm tiến trình văn minh thế giới được khắc ghi đậm nét bởi các dấu ấn cá nhân, dân tộc hay của cả nhân loại. Những công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa.. của người xưa để lại phần nào phác họa được nét đặc sắc của các nền văn minh trong tiến trình lịch sử. Bài học sẽ giúp em khám phá những điều này.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Khái niệm văn hóa, văn minh

a. Mục tiêu: Giải thích và phân biệt được khái niệm văn hóa và văn minh

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1:HS đọc SGK và trả lời những câu hỏi sau và hoàn thành phiếu học tập:

	Văn hóa	Văn minh
Nhận diện		
Đặc điểm		
Tầm vóc		
Mối quan hệ		

Làm việc cặp đôi

	Văn hóa	Văn minh
Gi ng nhau		
Khác nhau		

Nhiệm vụ 2: Bài tập phân biệt văn hoá và văn minh

Em hãy dựa vào những tư liệu dưới đây và phân biệt văn hoá và văn minh

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi
- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.

GV chốt lại nội dung toàn bài

I. Khái niệm văn minh. Khái quát lịch sử văn minh thế giới thời kì cổ – trung đại

1. Khái niệm văn hóa, văn minh

- Văn hóa là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong lịch sử. - Văn minh là trạng thái tiến hóa, phát triển cao của nền văn hóa và đối lập với nó là dã man, nguyên thủy. => Văn minh có mối liên hệ chặt chẽ với văn hóa.

Hoạt động 2. Khái quát lịch sử văn minh thế giới cổ-trung đại.

a. Mục tiêu: Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh thế giới trên trục thời gian

b. Nội dung: Sản phẩm HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV cho HS xem sơ đồ tiến trình phát triển lịch sử văn minh thế giới cổ - trung đại và giới thiệu các nền văn minh trên thế giới:

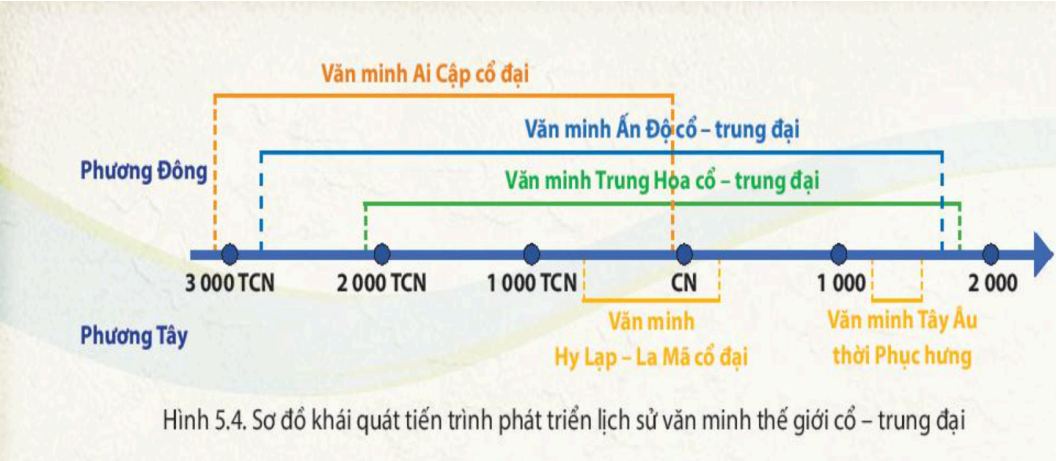

Hình 5.4. Sơ đồ khái quát tiến trình phát triển lịch sử văn minh thế giới cổ – trung đại

Yêu cầu HS nối cột:

1. Văn minh Ai Cập	a. Sông Hoàng Hà, sông Trường Giang
2. Văn minh Ấn Độ	b. Sông Nin
3. Văn minh Trung Hoa	c. Sông Hằng, Sông Ấn
4. Văn minh Hy Lạp-Rôma	d. Bờ biển Địa Trung Hải

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi
- HS khác nhận xét và bổ sung (nếu có)

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.
GV chốt lại nội dung toàn bài

2. Khái quát lịch sử văn minh thế giới cổ-trung đại.

- Bốn trung tâm văn minh lớn thời kỳ cổ đại ở phương Đông là Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa. Đặc điểm chung của các nền văn minh này là đều hình thành trên lưu vực các con sông lớn.
- Thời kỳ trung đại các nền văn minh phương Đông, Ấn Độ, Trung Hoa tiếp tục phát triển.
- Dù xuất hiện muộn hơn nhưng nền văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại phát triển rực rỡ và trở thành cơ sở của nền văn minh phương Tây sau này.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Tham gia trò chơi Cướp biển

- GV phổ biến luật chơi: Một nhóm hải tặc đã lấy trộm đi kho báu. Để lấy lại kho báu HS sẽ phải vượt qua những câu hỏi sau:

Câu 1: Cư dân sống trong thành thị chủ yếu là:

A. Nông dân

B. Công nhân

C. Địa chủ

D. Thương nhân và thợ thủ công

Câu 2: Những hội chợ bắt đầu xuất hiện vào thế kỉ mấy?

A.X

B.XI

C.XII

D.XIII

Câu 3: Vai trò của thành thị về mặt kinh tế là:

A. Trở thành công cụ tuyên truyền cho lãnh chúa

B. Văn hóa bị kìm hãm sơ với trước đó

C. Nhiều sách được xuất bản

D. Mở mang tri thức

Câu 4: Thế kỉ XI, kinh tế lãnh địa phát triển dẫn đến nhu cầu gì?

A. Trao đổi sản phẩm

B. Nhu câu đất đai

C. Nhu cầu mở nhiều chợ

D. Nhu cầu ăn uống tăng

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Câu hỏi	1	2	3	4
ĐA	D	B	A	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b.Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Văn minh Văn Lang-Âu Lạc, văn minh Đại Việt ở Việt nam thuộc giai đoạn nào của lịch sử văn minh thế giới? Vì sao?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

Bài 6: VĂN MINH AI CẬP CỔ ĐẠI

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Giải thích được cơ sở hình thành văn minh Ai Cập cổ đại

- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu chính của văn minh Ai Cập cổ đại.

- Đánh giá được vai trò vị trí và cống hiến của văn minh Ai Cập cổ đại trong lịch sử văn minh thế giới

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh Ai Cập cổ đại.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiên mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10

- Bảng phụ, máy trình chiếu, …

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế hco HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Những hình ảnh này giúp em nghĩ tới đất nước nào?

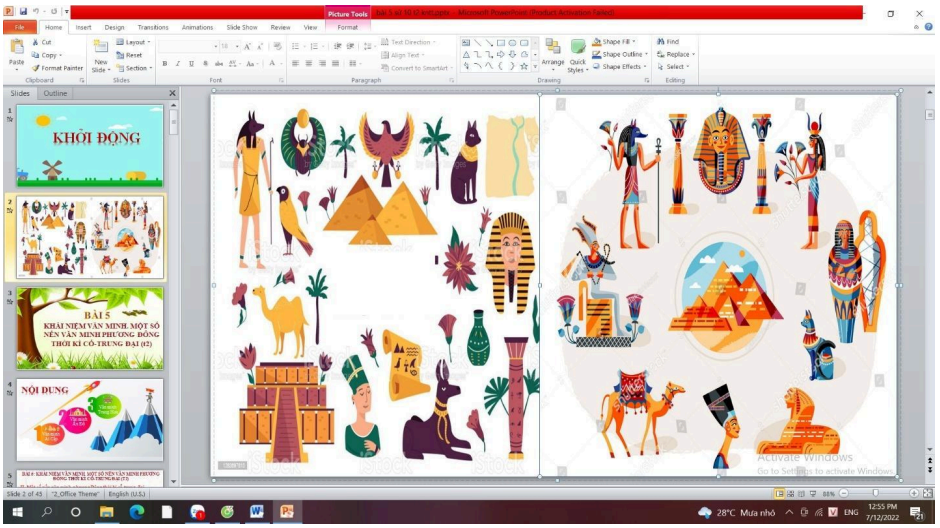

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thực

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Người Ai Cập cổ đại gọi quê hương của mình là Kê – mét nghĩa là Đất đen, dải đất hai bên bờ sông Nin. Nơi đó trong hơn ba thiên niên kỉ tồn tại, họ đã ghi tên mình vào lịch sử nhân loại với tư cách là chủ nhân một trong những nên văn minh cổ xưa và rực rỡ nhất của nhân loại. Bài học sẽ lí giải cơ sở hình thành, nêu được thành tựu và ý nghĩa của nền văn minh Ai Cập cổ đại.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Cơ sở hình thành

a. Mục tiêu: Biết được cơ sở hình thành văn minh Ai Cập cổ đại

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1,2: Dựa vào lược đồ 6.1 em hãy giải thích về nhận định của sử gia Hy Lạp cổ đại Hê-rê-đốt " Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin"

+ Nhóm 3,4: Điều kiện địa lí tự nhiên tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế Ai Cập? Quan sát hình 6.2 mô tả một số hoạt động kinh tế và nêu đặc trưng căn bản của kinh tế Ai Cập cổ đại?

+ Nhóm 5,6: Quan sát tư liệu 6.3, Xác định thành phần, vị trí các tầng lớp trong xã hội Ai Cập? Ý nghĩa ra đời của Nhà nước Ai Cập

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

I. Cơ sở hình thành

1. Điều kiện tự nhiên và dân cư

a. **Cơ sở hình thành**

- Địa hình Ai Cập 90% là sa mạc, có sông Nin dài 6700 km chảy từ Trung Phi lên Bắc Phi.
- Lưu vực sông Nin đất đai phì nhiêu, mềm xốp dễ canh tác, nguồn nước tưới tiêu và sinh hoạt cùng nguồn thủy sản và hệ động vật phong phú.
- Cư dân chủ yếu của người Ai Cập là các bộ lạc Li-bi, sau đó là các bộ tộc Ha – mít.

2. Điều kiện kinh tế

- Đặc trưng cơ bản của kinh tế Ai Cập: chủ yếu là nông nghiệp, thủ công nghiệp và giao thương.

3. Điều kiện chính trị - xã hội

- Xã hội Ai Cập cổ đại là một xã hội có nhiều giai cấp tầng lớp và phân hóa rõ rệt.
- Xã hội gồm có giai cấp thống trị (quý tộc, tăng lữ), giai cấp bị trị (nông dân công xã, nô lệ).
- Nhà nước Ai Cập ra đời là một trong những thành tựu nổi bật của văn minh nhân loại. Đanh dấu bước phát triển trong tổ chức và quản lí con người.

Hoạt động 2: Những thành tựu văn minh cơ bản

a. Mục tiêu: Biết được những thành tựu cơ bản của văn minh Ai Cập cổ đại

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết văn học	Nhóm 1: Thế nào là chữ tượng hình? Giá trị của chữ tượng hình Ai Cập cổ đại là gì? Việc xây dựng thư viện Alexxandria thời cổ đại khiến em suy nghĩ điều gì?
Tín ngưỡng tôn giáo	Nhóm 2: Tại sao người Ai Cập cổ đại lại sùng bái tự nhiên? Theo em, tôn giáo, tín ngưỡng góp phần thúc đẩy sự phát triển những lĩnh vực nào của Ai Cập cổ đại
Khoa học tự nhiên	Nhóm 3: Theo em, tại sao người Ai Cập rất giỏi về khoa học tự nhiên và kĩ thuật?
Kiến trúc điêu khắc	Nhóm 4: Người Arab có câu nói "con người phải sợ thời gian nhưng thời gian phải sợ Kim Tự Tháp". Em có nhận xét gì về câu nói đó?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

II. Những thành tựu văn minh cơ bản

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết văn học	- Người Ai Cập cổ đại đã sáng tạo ra một trong những hệ thống chữ viết cổ nhất thế giới chữ tượng hình từ khoảng hơn 3000 năm TCN. - Văn học cổ đại khóa phong phú về thể loại.
Tín ngưỡng tôn giáo	- Người Ai Cập sùng bái đa thần. Họ thờ các vị thần tự nhiên, thần động vật và thờ linh hồn người chết.

Khoa học tự nhiên	-Văn minh Ai Cập cổ đại có những đóng góp vĩ đại cho các ngành khoa học, kĩ thuật nhân loại, đặc biệt là Toán học, Thiên văn học, Y học và kĩ thuật.
Kiến trúc điêu khắc	- Cung điện, đền thờ và Kim Tự Tháp là các loại hình kiến trúc tiêu biểu nhất của Ai Cập cổ đại.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Câu 1: Điều kiện tự nhiên ở Ai Cập thích hợp nhất cho việc phát triển ngành kinh tế chủ yếu nào dưới đây

A. Thương nghiệp

B. Thủ công nghiệp

C. Nông nghiệp

D. Đánh bắt cá

Câu 2: Các tầng lớp xã hội chính của xã hội Ai Cập cổ đại gồm:

A. Vua quan lại, nông dân

B. Quý tộc nông dân nô lệ

C. Quý tộc bình dân nô lệ

D. Vua

E. nông dân nô lệ

Câu 3: Tầng lớp nào dưới đây là lực lượng lao động chính của xã hội Ai Cập cổ đại

A. Qúy tộc

B. Nô lệ

C. Quan lại

D. Nông dân

Câu 4: Người Ai Cập viết chữ trên nguyên liệu gì

A. Gi ấy Pa-pi-rút

B. Lụa
C. Đất sét
D. Thẻ tre

Câu 5: Đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại là:

A. Qúy tộc
B. Tù trưởng
C. Pha-ra-ông
D. Gà làng

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	C	B	D	A	C

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Em hãy kể tên những thành tựu văn minh Ai Cập cổ đại vẫn còn giá trị sử dụng trong thực tiễn ngày nay. Phân tích ý nghĩa và giá trị của những thành tựu này**.**

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn.....
Ngày dạy.....

Bài 7: VĂN MINH TRUNG HOA CỔ - TRUNG ĐẠI

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại.

- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu chính của văn minh Trung Hoa thời cổ - Trung đại

- Đánh giá được vai trò vị trí và cống hiến của văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại trong lịch sử văn minh thế giới

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiên mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10

- Bảng phụ, máy trình chiếu, …

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế hco HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Nhìn những hình ảnh trên em liên tưởng đến đất nước nào? Em biết gì về đất nước này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thưc

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Văn minh Trung hoa cổ - trung đại là một trong những nền văn minh phát triển rực rỡ ở phương Đông. Khám phá bài học sẽ giúp em hiểu một nền văn minh hình thành cách ngày nay khoảng 5000 năm lại có thể đạt được nhiều thành quan trọng có giá trị và đóng góp to lớn đối với lịch sử văn minh thế giới.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Cơ sở hình thành

a. Mục tiêu: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Điều kiện tự nhiên và dân cư

HS đọc SGK thực hiện nhiệm vụ

? Đọc thông tin và hãy trình bày những cơ sở hình thành nền văn minh Trung Hoa thời cổ trung đại?

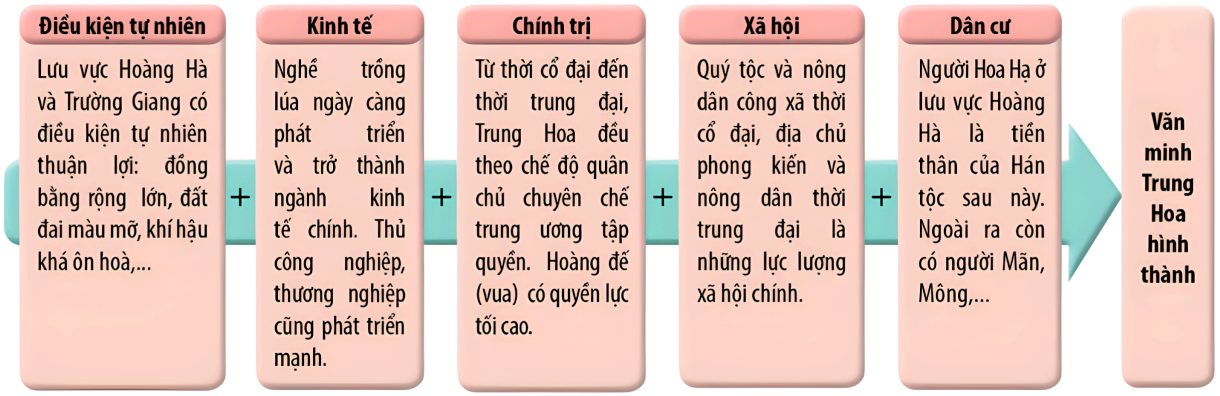

Sơ đồ 6.2. Cơ sở hình thành văn minh Trung Hoa cổ – trung đại

? Nền văn minh Trung Hoa cổ-trung đại hình thành trên cơ sở điều kiện tự nhiên như thế nào? Điều kiện tự nhiên của Trung Hoa cổ-trung đại có đặc điểm gì nổi bật?

? Em có suy nghĩ gì về nhận định " Hoàng Hà vừa là niềm kiêu hãnh vừa là nỗi buồn của nhân dân Trung Quốc"

Nhiệm vụ 2: Sự phát triển kinh tế

? Văn minh Trung Hoa cổ-trung đại có phải là nền văn minh nông nghiệp không? Theo em hình 7.2 nói lên điều gì?

Nhiệm vụ 3: Điều kiện chính trị -xã hội

? Quan sát sơ đồ 7.3, trình bày các giai đoạn phát triển của lịch sử văn minh Trung Hoa cổ - trung đại

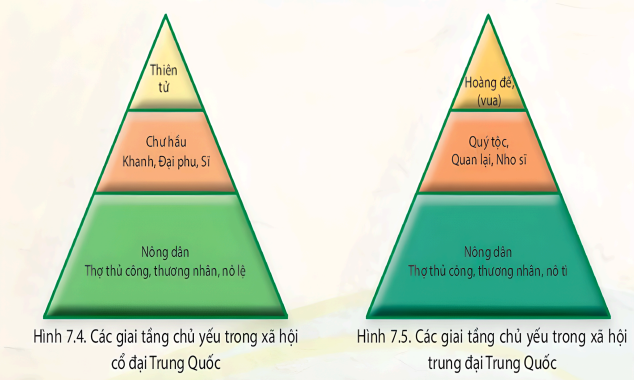

Hình 7.4. Các giai tầng chủ yếu trong xã hội cổ đại Trung Quốc

Hình 7.5. Các giai tầng chủ yếu trong xã hội trung đại Trung Quốc

? Quan sát sơ đồ 7.4, 7.5 điều kiện tự nhiên đã ảnh hưởng như thế nào đến sự hình thành của nền văn minh Trung Hoa cổ - trung đại

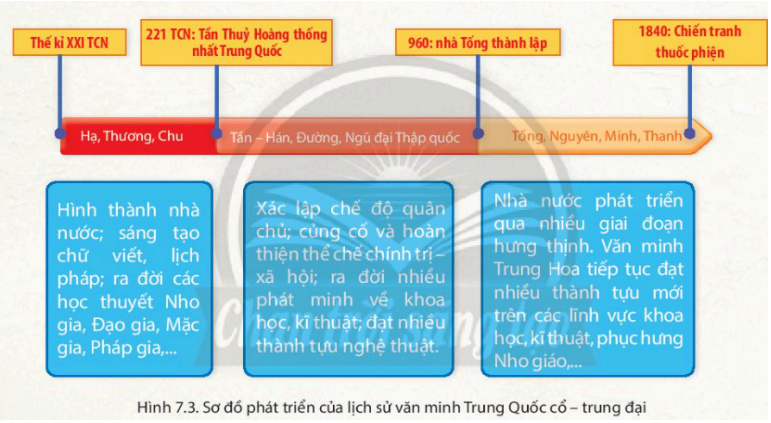

Hình 7.3. Sơ đồ phát triển của lịch sử văn minh Trung Quốc cổ – trung đại

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

I. Cơ sở hình thành

1. Điều kiện tự nhiên và dân cư

- Sông Hoàng Hà và Trường Giang có ý nghĩa quan trọng trong nền văn minh Trung Hoa cổ -trung đại. Tạo nên những đồng bằng màu mỡ, thuận lợi phát triển nông nghiệp

- Trên lưu vực sông Hoàng Hà, từ thời nguyên thủy, các bộ lạc sớm đến cư trú, hình thành tộc Hoa Hạ.

2. Sự phát triển kinh tế

- Nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong kinh tế của Trung Hoa cổ-trung đại

- Thủ công nghiệp và thương nghiệp cũng bắt đầu phát triển

3. Điều kiện chính trị -xã hội

- Khoảng thế kỉ XXI TCN, cư dân ở lưu vực sông Hoàng Hà đã hình thành xã hội có phân hóa giai cấp và nhà nước.

- Chế độ phong kiến chính thức được xác lập ở Trung Quốc thuời Tần (221 TCN) - Thể chế quân chủ chuyên chế tiếp tục được xây dựng và củng cố.

Hoạt động 2: Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của nền văn minh này.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	Tìm hiểu nguyên nhân ra đời ý nghĩa và giá trị của thành tựu chữ viết? Vì sao nói chữ viết là thành tựu văn minh có ý nghĩa hết sức quan trọng của người Trung Quốc?
Sử học và văn học	Trình bày những thành tựu tiêu biểu ý nghĩa và giá trị của văn học và sử học Trung Quốc? Thơ đường ảnh hưởng đến thơ ca Việt Nam thời kỳ trung đại như thế nào?
Khoa học kỹ thuật	Trình bày những thành tựu khoa học kĩ thuật tiêu biểu của văn minh Trung Hoa? Thế giới đã thừa kế những phát minh kĩ thuật nào của người Trung Quốc thời kỳ cổ-trung đại?
Nghệ thuật	Nêu những nét độc đáo của nghệ thuật Trung Hoa cổ -trung đại. Phân tích ảnh hưởng của nghệ thuật Trung Quốc đến thế giới và Việt Nam
Tư tưởng tôn giáo	Nêu những thành tựu cơ bản về tư tưởng và tôn giáo của văn minh Trung Hoa ? Theo em học thuyết của Khổng Tử đến nay còn giá trị không? Em chú ý đến nội dung nào trong học thuyết này?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

II. Thành tựu văn minh tiêu biểu

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết	- Cư dân Trung Hoa cổ đại đã sáng tạo ra chữ viết của mình từ thời nhà Thương (chữ Giáp cốt).
Sử học và văn học	- Sử học đạt được nhiều thành tựu to lớn. Văn học đa dạng nhiều thể loại. Có ảnh hưởng đến các quốc gia khác.
Khoa học kỹ thuật	- Có nhiều thành tựu giá trị và ảnh hưởng đến thời hiện tại.
Nghệ thuật	- Có nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc đặc sắc tiêu biểu là Vạn Lý Trường Thành, Tử Cấm Thành…Hội họa và âm nhạc cũng phát triển và đạt được nhiều thành tựu.
Tư tưởng tôn giáo	- Có nhiều tư tưởng, tôn giáo và có ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị trong và ngoài nước

GV bổ sung những thành tựu cơ bản

Đỗ Phủ *(712-770) tự Tử Mỹ , hiệu Thảo Đường Thiếu Lăng dã lão, người đời sau gọi là Đỗ Thiếu Lăng, Đỗ Lăng tẩu, Đỗ công bộ hay còn gọi là Lão Đỗ để phân biệt với Tiểu Đỗ là Đỗ Mục. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình quan lại lâu đời ở huyện Củng, nay thuộc tỉnh Hà Nam. Ông nội là Đỗ Thẩm Ngôn, một nhà thơ nổi tiếng thời Sơ Đường. Cha là Đỗ Nhàn, có làm quan.*

Lý Bạch *(701-762) xuất thân trong một gia đình thương nhân giàu có. Lúc nhỏ học đạo, múa kiếm, học ca múa, lớn lên thích giang hồ ngao du sơn thuỷ, 25 tuổi "chống kiếm viễn du", đến núi Nga My ngắm trăng, ngâm thơ rồi xuôi Trường Giang qua hồ Động Đình, lên Sơn Tây, Sơn Đông cùng năm người bạn lên núi Thái Sơn "ẩm tửu hàm ca" (uống rượu ca hát), người đời gọi là Trúc khê lục dật. Sau đó được người bạn tiến cử với Đường Minh Hoàng, ông về kinh đô Trường An ba năm, nhưng nhà vua chỉ dùng ông như một "văn nhân ngự dụng" nên bất mãn, bỏ đi ngao du sơn thuỷ.*

Tử Cấm Thành *được xây vào năm 1406, tức là vào thời Minh Thành Tổ - Chu Đệ. Ông là con của hoàng đế Chu Nguyên Chương. Chu Đệ nổi tiếng là người*

có tài năng xuất chúng, kiệt xuất và lỗi lạc. Công trình này được xây dựng trong 15 năm (1406 - 1420) với sự góp sức từ 1 triệu nhân lực. Như vậy, Tử Cấm Thành Trung Quốc tính đến nay đã được hơn 600 tuổi.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi kéo co: Các em học sinh sẽ trả lời câu hỏi để giúp đội mình kéo thắng đội bạn. Mỗi câu trả lời đúng trong thời gian quy định sẽ giúp đội mình thắng 1 hiệp. Trường hợp cả hai đội không trả lời đúng sẽ coi như hòa. Hiệp đó không tính vào số hiệp thắng. Kết thúc trò chơi đội nào có số hiệp thắng nhiều hơn (tương đương với trả lời đúng nhiều câu hỏi hơn) sẽ là đội chiến thắng.

Câu 1: Chủ nhân đầu tiên của nền văn minh Trung Hoa là dân tộc nào?

A. Người Hoa Hạ

B. Người Choang.

C. Người Mãn

D. Người Mông Cổ

Câu 2: Loại chữ cổ nhất của người Trung Quốc là:

A. Chữ Hán

B. Chữ La tinh

C. Chữ giáp cốt, kim văn

D. Chữ Phạn

Câu 3: Thành tựu nào dưới đây KHÔNG thuộc "tứ đại phát minh" về kĩ thuật của người Trung Quốc thời kỳ cổ trung đại

A. Kĩ thuật làm giấy

B. Kĩ thuật làm lịch

C. Thuốc súng

D. La bàn

Câu 4: Tư tưởng tôn giáo nào trở thành hệ tư tưởng phục vụ cho chế độ phong kiến Trung Quốc?

A. Thiên Chúa giáo

B. Hồi giáo

C. Đạo Phật

D. Nho giáo

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	C	B	D

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ sách báo và internet, hãy viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một công trình kiến trúc của Trung Quốc thùoi cổ đại mà em ấn tượng nhất.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn.....
Ngày dạy.....

Bài 8: VĂN MINH ẤN ĐỘ CỔ -TRUNG ĐẠI

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại.

- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ấn Độ thời kì cổ - Trung đại

- Đánh giá được vai trò vị trí và cống hiến của văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại trong lịch sử văn minh thế giới

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiên mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10

- Bảng phụ, máy trình chiếu, …

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Nhìn những hình ảnh trên em liên tưởng đến đất nước nào? Em biết gì về đất nước này?

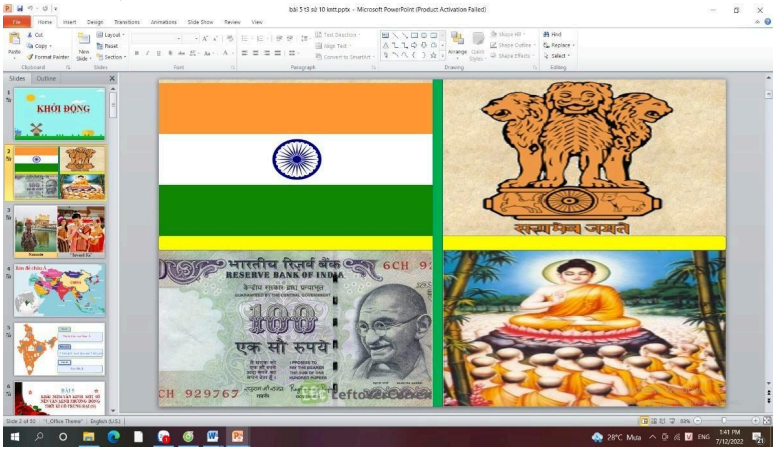

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thưc

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Hằng năm cứ đến mùa tuyết tan, nước từ dãy núi Hi-ma-lay-a theo sông Ấn và sông Hằng đem phù sa màu mỡ bồi đắp cho những cánh đồng ở Bắc Ấn, Trên lưu vực các con sông này, văn minh Ấn Độ hình thành phát triển và lan tỏa đến nhiều nơi trên thế giới, trong đó có khu vực Đông Nam Á. Chúng ta cùng khám phá các vấn đề trên qua bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Cơ sở hình thành

a. Mục tiêu: Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại. Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của nền văn minh này.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS thành 4 đọc thông tin SGK hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng gì đến sự ra đời của nền văn minh Ấn Độ cổ-trung đại? (thuận lợi và khó khăn)

+ Nhóm 2: Theo em, điều gì làm nên sự phong phú, đa dạng về tộc người ở Ấn Độ cổ -trung đại

+ Nhóm 3: Em hãy nêu cơ sở kinh tế của nền văn minh Ấn Độ thời cổ-trung đại?

+ Nhóm 4: Trình bày chính trị -xã hội của văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại? (chế độ đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ cổ đại được phân chia trên cơ sở nào?)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

I. Cơ sở hình thành

1. Điều kiện tự nhiên

- Ấn Độ là một bán đảo rộng lớn nằm ở Nam Á, ba mặt giáp biển, thuận lợi cho giao thương và giao lưu văn hóa.
- Khí hậu nhiệt đới gió mùa. Có sông Ấn và sông Hằng tạo nên những vùng đồng bằng rộng lớn.

2. Dân cư

- Cư dân bản địa của Ấn Độ cổ đại sinh sống trên lưu vực sông Ấn.
- Chủ yếu là người Đra-vi-đa ở miền Nam và người A-ri-a ở miền Bắc. Sau này có thêm người Hy Lạp, Hung Nô, A-rập… tạo nên sự đa dạng về tộc người.

3. Tình hình kinh tế

- Kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp đã dần xuất hiện và từng bước phát triển.

4. Chính trị xã hội

- Vào khoảng thiên niên kỉ III TCN, ở Ấn Độ đã hình thành nhà nước. Từ thế kỉ IV, chế độ phong kiến được xác lập.
- Chế độ đẳng cấp Vác-ma với 4 đẳng cấp chính: Bra-ma, Ksa-tri-a, Vai-si-a, Su-dra.

Hoạt động 2: Thành tựu văn minh tiêu biểu

HS thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết văn học	Nhóm 1
Tôn giáo triết học	Nhóm 2
Nghệ thuật	Nhóm 3
Khoa học kĩ thuật	Nhóm 4

HS trả lời cá nhân:

? Quan sát hình ảnh dưới đây, hãy cho biết việc người Ấn Độ sáng tạo ra các chữ số có ý nghĩa như thế nào? Vì sao việc sáng tạo ra chữ số 0 lại được xem là quan trọng nhất?

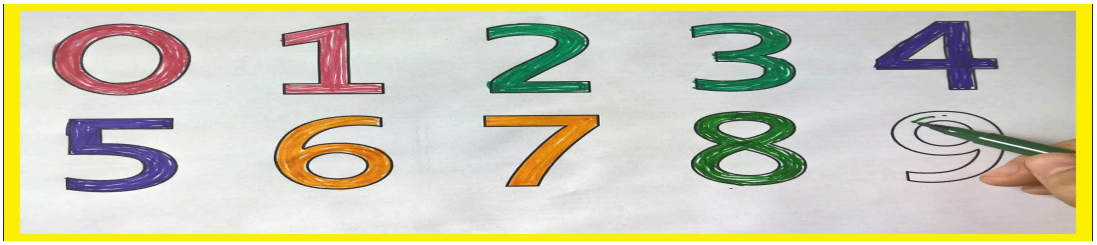

? Em ấn tượng nhất với thành tựu nào của nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Vì sao?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

II. Thành tựu văn minh tiêu biểu

Lĩnh vực	Thành tựu
Chữ viết văn học	- Cư dân Ấn Độ sớm tạo ra chữ viết điển hình như chữ Bra-mi, chữ San-krit (Phạn)

	- Văn học Ấn Độ đặc sắc phản ánh đời sống tinh thần phong phú.
Tôn giáo triết học	- Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn như Bà La Môn, Hin-du giáo, Phật giáo… - Triết học Ấn Độ đề cập đến nhiều vấn đề về: vũ trụ, nhân sinh..
Nghệ thuật	- Văn minh Ấn Độ có nền nghệ thuật phong phú, đặc sắc, mang đậm yế tố tôn giáo.
Khoa học kĩ thuật	- Đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực: Thiên văn học, toán học, vật lí, hóa học, y học.

GV bổ sung

Ấn Độ giáo

Xuất xứ: Ấn Độ

Thời gian ra đời: Thế kỷ 6 trước Công Nguyên

Người sáng lập: Đức Phật Thích Ca lịch sử (xuất thân từ Thái tử Tất-Đạt-Đa Cồ-Đàm (Siddhattha Gotama) của vương quốc dòng họ Thích Ca (Sakya).

Chủ thuyết: Tránh làm những điều ác, Làm những điều thiện, Tu dưỡng Tâm trong sạch (kinh Pháp Cú).

Loại tôn giáo: Phổ biến, mở rộng, được truyền bá qua nhiều nước trên thế giới; thuộc về vô-thần, không chủ trương hữu thần, không công nhận có đấng sáng tạo hay thượng đế quyết định số mạng con người; chủ trương về lý nhân-quả.

Những nhánh phái chính: Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) và Đại Thừa (Mahayana).

Kinh Vệ-Đà

Kinh Vệ-đà, hay Phệ-đà (tiếng Phạn: वेद; tiếng Anh: Veda) xem như là cỗi gốc của giới Bà La Môn và là suối nguồn của nền văn minh Ấn Độ. Véda có nghĩa là "tri thức". Trong kinh có những bản tụng ca để ca ngợi các vị thần, như thần lửa, thần núi, thần sông... Phần lớn ca tụng những vẻ đẹp huy hoàng, tưng bừng và mầu nhiệm của cuộc sống trong vũ trụ.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS
GV tổ chức trò chơi giải ô chữ

Câu 1: Đất nước được xem là tặng phẩm của sông Nin? (5 chữ cái)

Câu 2: Con sông linh thiêng của người Ấn Độ? (8 chữ cái)

Câu 3: Dãy núi chia đội Ấn Độ thành hai miền Nam Bắc? (7 chữ cái)

Câu 4: Di sản văn hóa thế giới cổ đại duy nhất còn nguyên vẹn đến ngày nay? (9 chữ cái)

Câu 5: Chế độ xã hội cổ truyền khắc nghiệt của Ấn Độ gắn với Bà La Môn giáo? (7 chữ cái)

Câu 6: Dòng sông là trái tim của Ai Cập? (4 chữ cái)

Câu 7: Tôn giáo cổ xưa nhất của Ấn Độ ra đời từ thiên niên ki I TCN? (7 chữ cái)

Câu 8: Chữ số đặc biệt nhất trong dãy số tự nhiên của Ấn Độ? (7 chữ cái)

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Câu 1: Ai Cập

Câu 2: Sông Hằng

Câu 3: Vindhya

Câu 4: Kim tự tháp

Câu 5: Đẳng cấp

Câu 6: Nile

Câu 7: Balamon

Câu 8: Số không

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Thực hiện dự án" Hành trình kết nối di sản". Em hãy lựa chọn một di sản văn hóa của Việt Nam chịu ảnh hưởng từ nền văn minh Ấn Độ và trình bày những giá trị đặc sắc của di sản đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn.....
Ngày dạy.....

Bài 9: VĂN MINH HY LẠP – LA MÃ CỔ ĐẠI

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La mã cổ đại và văn minh Tây Âu thời Phục hưng

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiên mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10

- Bảng phụ, máy trình chiếu, …

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ Đoán tên các vị thần trong thần thoại Hy Lạp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thưc

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Hy Lạp và La mã là hai nền văn minh cổ ở khu vực Địa Trung Hải. Văn Hy Lạp hình thành từ thiên niên kỉ III, đạt đến đỉnh cảo ở thế kỉ V TCN, trong đó từ thế kỉ II TCN người La Mã đã tiếp nhận nền văn minh Hy Lạp và phát triển thành một dòng chảy văn minh liên tục với những thành tựu cao hơn. Nền văn minh Hy Lạp La Mã hình thành trên cơ sở nào và những thành tựu của nó có ý nghĩa lịch sử gì? Hãy cùng tìm hiểu qua bài học này nhé.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Cơ sở hình thành

a. Mục tiêu:

- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS thành 4 nhóm đọc thông tin SGK thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Điều kiện tự nhiên của vùng đất Hy Lạp và la mã ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nền văn minh?

+ Nhóm 2: Nêu đặc điểm dân cư của Hy Lạp và La Mã thời kỳ cổ đại?

+ Nhóm 3: Kinh tế Hy Lạp và La Mã thời cổ đại có những đặc điểm nổi bật gì? Theo em sự phát triển kinh tế sẽ tạo ra những cơ sở gì để văn minh Hy Lạp la mã cổ đại phát triển?

+ Nhóm 4: Vì sao nói chế độ chiếm hữu nô lệ ở Hy Lạp La Mã cổ đại có tính chất điển hình trong lịch sử cổ đại?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

I. Cơ sở hình thành

1. Điều kiện tự nhiên

- Vị trí địa lý: khu vực địa Trung Hải ba mặt giáp biển, có nhiều đảo lớn nhỏ, đường bờ biển có nhiều vũng, vịnh, tạo thành nhiều hải cảng, có điều kiện giao lưu, kết nối, tiếp thu ảnh hưởng của nền văn minh phương Đông cổ đại.
- Điều kiện: Tài nguyên khoáng sản phong phú để phát triển thủ công nghiệp, thương nghiệp và hàng hải

2. Dân cư

- Cư dân Hy Lạp cổ đại gồm bốn tộc người chính: Ê-ô-li-an, A-kê-an, Đô-ni-an và I-o-ni-an

- Cư dân La Mã cổ đại chủ yếu là người I-ta-li-a, về sau 1 bộ phần người I-ta-li-a dựng nên thành La Mã nên còn gọi là người La Mã.

3. Tình hình kinh tế

- Ở Hy Lạp và La Mã kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp đóng vai trò chủ đạo.

4. Tình hình chính trị - xã hội

- Vào khoảng thế kỷ VIII-VII TCN, các nhà nước Hy Lạp và La Mã ra đời.
- Ở Hy Lạp là quốc gia thành bang. Ở La Mã nhà nước điển hình là nền cộng hòa quý tộc, nhà nước đế chế.
- Về xã hội, Hy Lạp và La Mã tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp. Trong đó giai cấp đối kháng cơ bản là chủ nô và nô lệ.

5. Sự kế thừa thành tựu văn minh phương Đông

- Văn minh Hy Lạp La Mã cổ đại đã tiếp thu nhiều thành tựu của văn minh phương Đông như: chữ viết, văn học, tín ngưỡng….

Hoạt động 2: Thành tựu văn minh tiêu biểu

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia HS thành 7 nhóm mỗi nhóm tương ứng với 1 thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã

+ Nhóm 1: Chữ viết
+ Nhóm 2: Văn học
+ Nhóm 3: Nghệ thuật

+ Nhóm 4: Khoa học, kĩ thuật

+ Nhóm 5: Triết học

+ Nhóm 6: Tín ngưỡng tôn giáo

+ Nhóm 7: Thể thao

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu. GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

II.Thành tựu văn minh tiêu biểu

1. Chữ viết

- Trên cơ sở tiếp thu chữ cái của người Phê-ni-xi người Hy Lạp sáng tạo ra hệ thống chữ viết gồm 24 chữ cái

2. Văn học:

- Nền văn học đồ sộ của Hy Lạp và La Mã cổ đại đặt nền móng cho văn học phương Tây

3. Nghệ thuật

- Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc có nhiều công trình kiến trúc như nhà hát, sân vận động, đấu trường…
- Điêu khắc: Thể hiện khát vọng vươn tới sự hoàn hảo trong vẻ đẹp hình thể hình thể con người

4. Khoa học kĩ thuật

- Người Hy Lạp - La Mã cổ đại đã có những công hiến vĩ đại về khoa học, kĩ thuật.

5. Triết học

-Triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại được xem là những thành tựu rực rỡ của nền văn minh phương Tây tạo nên cơ sở hình thành của triết học châu Âu sau này.

6. Tín ngưỡng tôn giáo

- Người Hy Lạp và La Mã cổ đại thờ đa thần.
- Cơ Đốc giáo được hình thành vào thế kỷ ở phần lãnh thổ phía Đông để quốc La Mã

7. Thể thao

- Thể thao có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong đời sống lễ hội và văn hóa Hy Lạp-La Mã cổ đại. Nhiều sự kiện và môn thể thao của Hy Lạp-La Mã cổ đại là cơ sở nền tảng thể thao của nhân loại ngày nay

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Hãy ghép nhân vật lịch sử với lĩnh vực khoa học mà họ có nhiều cống hiến

Lĩnh vực khoa học	a.Pi-ta-go
Văn học	b. A-ri-xtốt
Sử học	c. Hô-me
Khoa học tự nhiên	d. Ta-lét
Triết học	e. Ác-si-mét
	g. Hê-rô-đốt
	h. Pla-tông
	i. Tuy-xi-dít

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:
- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HSEm ấn tượng nhất với thành tựu nào của văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại. Hãy chia sẻ với cả lớp và nêu lí do

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn :
Ngày dạy :

BÀI 10: VĂN MINH TÂY ÂU THỜI PHỤC HƯNG

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trình bày được sự phát triển của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

- Giải thích, phân tích được cơ sở hình thành của các nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

- Nêu được ý nghĩa của những thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La mã cổ đại và văn minh Tây Âu thời Phục hưng

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Biết cách sưu tầm khai thác và sử dụng tư liệu quy ước, tư liệu hiện vật, tranh ảnh, sơ đồ... để tìm hiểu nền văn minh phương Tây thời kì cổ - trung đại

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, góp phần bảo tồn những thành tựu văn minh thế giới

- Nhân ái: Trân quý những cống hiên mang tính tiên phong và bảo vệ nhưng giá trị văn hóa của nhân loại.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án theo định hướng phát triển năng lực HS

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10

- Bảng phụ, máy trình chiếu, …

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài học mới theo sự hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. Tiến trình dạy học:

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

+ *Đây là biểu tượng đất nước nào?*

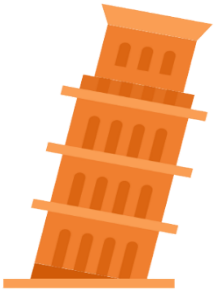

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thưc

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang nội dung mới.

Phong trào văn hóa Phục hưng có nghĩa là tái sinh trở về với những giá trị tinh hoa của nền văn minh Hy Lạp – La Mã. Đây không những là cuộc cách mạng về văn hóa mà còn là cuộc tấn công đầu tiên của lực lượng tiến bộ trong xã hội vào giai cấp phong kiến và Giáo hội Thiên Chúa giáo đường thời. Phong trào văn hóa Phục hưng hình thành trong bối cảnh lịch sử nào và đạt được những thành tựu gì vào kho tàng di sản văn minh nhân loại? Bài học sẽ giúp em lí giải điều đó.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Bối cảnh lịch sử

a. Mục tiêu: Phân tích được bối cảnh lịch sử, những tiền đề kinh tế chính trị xã hội hình thành phong trào văn hóa phục hưng.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập

Nội dung	Phiếu học tập
Bối cảnh lịch sử	
Mục tiêu	
Tiền đề kinh tế	
Tiền đề về chính trị xã hội	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

I. Bối cảnh lịch sử

Bối cảnh lịch sử	- Thời kì trung đại, Tây Âu chìm trong đêm trường trung cổ… - Hậu kì trung đại, quan hệ sản xuất TBCN hình thành… - Phong trào xuất hiện đầu tiên ở Italia vào thế kỉ XIV. Sau đó lan rông ra
Mục tiêu	Khôi phục tinh hoa văn hóa Hy Lạp La Mã, xây dựng nền văn hóa mới, đề cao giá trị chân chính của con người, đòi quyền tự do cá nhân, coi trọng khoa học kĩ thuật
Tiền đề kinh tế	- Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa, thị trường, giao thương. - Thế kỉ XIV – XV, kĩ thuật có nhiều cải tiến, công trường TBCN tập trung, ngân hàng ra đời, nền sản xuất được mở rộng.
Tiền đề về chính trị xã hội	- Lực lượng tư sản vừa ra đời cần có hệ tư tưởng và nền văn hóa mới đấu tranh chống lại tư tưởng bảo thủ của giai cấp phong kiến và giáo hội Thiên Chúa giáo.

Hoạt động 2: Thành tựu tiêu biểu

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa của những thành tựu cơ bản của văn minh thời Phục hưng

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin SGK

c. Sản phẩm: HS xem SGK và tiếp thu kiến thức

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm

Lĩnh vực	Thành tựu
Văn học	Nhóm 1
Nghệ thuật	Nhóm 2
Khoa học, kĩ thuật	Nhóm 3
Tư tưởng triết học	Nhóm 4

HS làm bài tập cá nhân: Nối cột

1. M. Xéc-van-tét	a. Tác phẩm Nàng Mô-na Li sa, Bữa ăn tối cuối cùng.
2. W. Sếch-pia	b. Một nhà văn lớn của Tây Ban Nha với tác phẩm Đôn-ki-hô-tê
3. Lê-ô-nađơ Vanh-xi	c. là tác giả người Anh với nhiều vở kịch nổi tiếng như Rô-mê-ô và Giu-li-ét
4. Mi-ken-lăng-giơ	d. Sự sáng tạo của A-đam, tượng Đa-vít
5. Pi-e Giôn-sát	e. Quyển thư tình thứ nhất, Quyển thư tình thứ hai.

? Trình bày nội dung và ý nghĩa của phong trào phục Hưng?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

- GV đến các nhóm theo dõi, hỗ trợ HS làm việc

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày và các HS khác bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

II. Thành tựu tiêu biểu

Lĩnh vực	Thành tựu
Văn học	Văn học truyền bá tư tưởng nhân đạo, ca ngợi tình yêu, sự tự do, vạch trần và đấu tranh chống chế độ phong kiến lạc hậu với nhiều tác phẩm nổi tiếng.
Nghệ thuật	Hội họa và điêu khắc thường mượn chủ đề tôn giáo nhưng mang tính hiện thực, thể hiện các đường nét trên cơ thể nhân vật hoàn chỉnh, chính xác, cân đối về tỉ lệ.
Khoa học, kĩ thuật	Khoa học, kĩ thuật Tây Âu thời kỳ này đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy lùi những ảnh hưởng và chi phối của thần học.
Tư tưởng triết học	Những chuyển biến trên phương diện tư tưởng đã có tác động to lớn đến tình hình chính trị, xã hội đặt nền tảng cho những bước tiến lớn về tư tưởng triết học trong các thời đại tiếp theo.

- Nội dung:

+ Lên án gay gắt Giáo hội Thiên Chúa giáo và đã phá trật tự phong kiến.

+ Đề cao giá trị con người và tự do cá nhân, đề cao tinh thần dân tộc.

- Ý nghĩa

+ Là một bước tiến lớn trong lịch sử văn minh ở Tây Âu.

+ Là cầu nối từ văn hóa phong kiến sang văn hóa tư sản. Là khởi đầu của văn minh Tây Âu thời cận đại.

GV bổ sung: Những thành tựu cơ bản

William Shakespeare (1564 – 1616)

Sếch – Xpia: Ông là một nhà văn và nhà viết kịch Anh, được coi là nhà văn vĩ đại nhất của Anh và là nhà viết kịch đi trước thời đại. Ông cũng được vinh danh là nhà thơ tiêu biểu của nước Anh và là "Thi sĩ của dòng sông Avon" Những vở kịch của ông đã được dịch ra thành rất nhiều ngôn ngữ lớn và được trình diễn nhiều hơn bất kì nhà viết kịch nào.

Miguel de Cervantes (Xéc-van-tét)

Miguel de Cervantes (1547-1616) là một nhà văn nổi tiếng của Thời kỳ hoàng kim Tây Ban Nha, người nổi bật như một tiểu thuyết gia, nhà thơ, nhà viết kịch và người lính. Các tác phẩm của ông là khởi đầu của tiểu thuyết hiện đại.

Michelangelo (1475-1564)

Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni (sinh ngày 6 tháng 3 năm 1475, mất ngày 18 tháng 2 năm 1564), thường được gọi là Michelangelo, là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhà thơ và kỹ sư thời kỳ Phục hưng Ý. Sự uyên bác của ông trong các lĩnh vực đạt tới tầm mức khiến ông được coi là một người xứng đáng với danh hiệu nhân vật thời Phục hưng, cùng với Leonarda da Vinci, Raphael và Titian (Tiziano Vecelli)

Leonardo di ser Piero da Vinci (1452 – 1519)

Lêôna đơ Vanhxi Ông là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhạc sĩ, bác sĩ, kỹ sư, nhà giải phẫu, nhà phát minh và triết học tự nhiên người Ý. Ông được coi là thiên tài toàn năng nhất lịch sử nhân loại. Ông là người có những ý tưởng vượt trước thời đại của mình, đặc biệt là khái niệm về máy bay trực thăng, xe tăng, dù nhảy, sự sử dụng hội tụ năng lượng mặt trời, máy tính, sơ thảo lý thuyết kiến tạo địa hình, tàu đáy kép, cùng nhiều sáng chế khác.

Nicolaus Copernicus (1473 – 1543)

N. Côpecnic Ông là một nhà toán học, thiên văn học, luật gia, học giả kinh điển, nhà cai trị, viên chức hành chính, nhà ngoại giao, nhà kinh tế, và người lính. Trong số những khả năng của mình, ông đã lựa chọn thiên văn học làm nghề nghiệp chính, sự phát triển thuyết nhật tâm của ông được coi là giả thuyết khoa học quan trọng nhất trong lịch sử, đánh dấu bước chuyển sang thiên văn học hiện đại

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức vừa tìm hiểu.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Giai cấp tư sản đang lên ở châu Âu đã chống lại hệ tư tưởng của đạo nào?

A. Phật giáo.

B. Ấn Độ giáo

C. Đạo Hồi

D. Đạo Kitô

Câu 2: Quê hương của Phong trào Văn hóa Phục hưng là

A. Đức

B. Thụy Sĩ

C. Ý

D. Pháp

Câu 3: Nội dung của phong trào Văn hóa Phục Hưng là:

A. Đòi cải tạo xã hội phong kiến, phê phán Giáo hội.

B. Phê phán xã hội phong kiến, đề cao giá trị con người.

C. Phê phán Giáo hội, đề cao khoa học tự nhiên.

D. Phê phán xã hội phong kiến và Giáo hội, đề cao con người và khoa học tự nhiên.

Câu 4: Trong thời Phục hưng đã xuất hiện rất nhiều nhà văn hóa, khoa học thiên tài mà người ta gọi là:

A. "Những người thông minh".

B. "Những người khổng lồ".

C. "Những người thông minh".

D. "Những người thông minh".

Câu 5: Tôn giáo mới nào được ra đời trong Phong trào cải cách tôn giáo?

A. Đạo Hồi

B. Đạo Tin Lành

C. Đạo Dạo Thái

D. Đạo Kitô

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	D	C	D	B	B

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

b. Nội dung: học sinh có thể làm bài tập ở nhà bằng phiếu học tập

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS : Sưu tầm tư liệu từ Internet và sách, báo để giới thiệu (theo cach của em) về một công trình/ tác phẩm/ nhà văn văn hoá Phục hưng mà em ấn tượng nhất?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

- Học bài, hoàn thành các bài tập và câu hỏi trong sách giáo khoa.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

CHƯƠNG III: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI

BÀI 11: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI (T1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai
- Hiểu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái đội đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Rèn luyện các kĩ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

+ Góp phần hình thành và phát trển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng nhwunxg thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. **Sản phẩm:** Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS xem 1 đoạn video về tháp Eifferl và trả lời câu hỏi

? Em biết gì về công trình kiến này?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

Trong suốt tiến trình lịch sử, con người không ngừng lao động, sáng tạo để thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đưa đến những thay đổi lớn lao trong các lĩnh vực kinh tế văn hóa xã hội, thay đổi cả bản chất của sản xuất, tạo ra các đột phá về khoa học kĩ thuật, đưa nhân loại vào thời kì công nghiệp hóa. Bài học sẽ giúp các em hiểu rõ vấn đề này.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

a. Mục tiêu: Nêu được bối cảnh lịch sử và những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.
c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.
d. Tổ chức thực hiện
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử
? Em hãy trình bày bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất?
? Thảo luận: Theo em, tại sao Cách mạng công nghiệp lại diễn ra đầu tiên ở nước Anh?
Nhiệm vụ 2: Thành tựu tiêu biểu

GV chia HS thành 6 nhóm

+ Nhóm 1,2: Trình bày những phát minh trong ngành dệt? Ý nghĩa của sự ra đời của động cơ hơi nước?

+ Nhóm 3,4: Trình bày những phát minh trong ngành luyện kim?

+ Nhóm 5,6: Trình bày những phát minh trong ngành giao thông vận tải?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.
GV khuyến khích học sinh hợp tác.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận.
HS trả lời, nhóm khác nhận xét
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

I. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất
1. Bối cảnh lịch sử
- Từ thế kỉ XIV – XV, ở Tây Âu, công trường thủ công ra đời thay thế cho phường hội giúp nâng cao năng suất lao động tăng nhanh.
- Từ thế kỉ XVII – XVIII, các cuộc cách mạng tư sản nổ ra và giành được thắng lợi ở nhiều quốc gia Tây Âu và Bắc Mỹ.
- Diễn ra từ nữa sau thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX. Bắt nguồn từ nước Anh sau đó lan rộng ra nhiều quốc gia khác.
2. Thành tựu tiêu biểu
- Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra đầu tiên ở ngành dệt với nhiều phát minh quan trọng. Trong đó sự ra đời của máy hơi nước có ý nghĩa hết sức quan trọng.

- Ngành luyện kim và giao thông vận tải cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng.
- Đặc điểm của cuộc CMCN lần 1: Sử dụng năng lượng nước, máy hơi nước và cơ giới hóa sản xuất.

GV bổ sung

James Watt *sinh ngày 19 tháng 1 năm 1736 tại thị trấn Greenock, Scotland. Ngay cả ở tuổi thiếu niên, James đã bắt đầu quan tâm đến các thí nghiệm thiên văn học và hóa học. Năm 1769, ông đã nhận được bằng sáng chế với trọng tâm là "cách giảm tiêu thụ hơi trong động cơ hơi nước". James nghiên cứu sâu sắc và nỗ lực cải tiến các loại động cơ hơi nước khác nhau. Ông đã tạo ra động cơ hơi nước đầu tiên của mình vào năm 1774. Năm 1782, nhà khoa học đã tạo ra một động cơ hơi nước với hành động kép xoay liên tục, sau này được gọi là tên của ông. Động cơ có tầm quan trọng lớn, vì nó góp phần chuyển đổi sang sản xuất máy trong công nghiệp.*

Ngành luyện kim: *Phương pháp luyện kim "put đinh"*

Phương pháp luyện kim "put đinh" (nhào trộn) dùng luồng không khí làm nóng chảy quặng để luyện thành sắt. Nhờ phương pháp này mà việc luyện quặng được đơn giản hóa, sắt được sản xuất ra nhiều, được dùng để sản xuất máy móc và đồ dùng sinh hoạt.

Goerge Stephenson *sinh ngày 9/6/1781 tại Northumberland, Anh trong một gia đình công nhân mỏ. Khi trước làm việc dưới hầm mỏ, Stephenson đã từng quen thuộc với các loại máy hơi nước của James Watt, rồi theo các ý tưởng của Murdock và Trevithick, Stephenson chế tạo một đầu tầu kéo được 90 tấn trên quãng đường 85 dặm. Stephenson chế tạo tiếp chiếc xe thứ hai rồi chiếc thứ ba, nặng 4 tấn rưỡi, bánh xe có đường kính 1.42 mét. Chiếc thứ ba này có tên là Rocket và được cho chạy vào năm 1830, mở đầu ngành hỏa xa. Trong những lần thử ban đầu, chiếc Rocket chở được 36 hành khách và chạy với tốc độ 30 dặm một giờ.*

Cha đẻ phát minh tàu hơi nước đầu tiên trên thế giới Robert Fulton *sinh ra tại một trang trại tại Little Brain, tiểu bang Pennsylvania, Hoa Kỳ*

Năm 1803 Fulton đóng xong con tàu động cơ hơi nước 8 mã lực. Ngày 9/1/1803 con tàu hạ thủy. Ngày 17/8/1807, con tàu Klemol hạ thủy.

Fulton qua đời năm 1815 do nhiễm trùng ngực nặng do cảm lạnh.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi "Món quà giáng sinh" cho HS trả lời câu hỏi

Câu 1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứu nhất trên thế giới được bắt đầu từ lĩnh vực nào?

A. Giao thông vận tải

B. Du lịch

C. Ngành dệt

D. Luyện Kim

Câu 2. Giêm Oát là người đã phát minh ra:

A. Máy bay

B. Máy hơi nước

C. Máy dệt

D. Máy tính

Câu 3. Ý không phản ánh đúng ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước là

A. Biến nước Anh thành "công xưởng thế giới"

B. Lao động bằng tay được thay thế dần bằng máy móc

C. Tốc độ sản xuất và năng suất lãnh đạo tăng vượt bậc

D. Tạo ra nguồn động lực mới, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa

Câu 4. Một trong những ý nghĩa việc phát minh ra máy hơi nước của Giêm Oát (1874) là

A. Quá trình lao động ngày càng được xã hội hóa cao

B. Làm giảm sức lao động cơ bắp của con người

C. Điều kiện lao động công nhân được cải thiện

D. Là phát minh mở đầu cho cách mạng công nghiệp

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	C	C	B	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Hãy làm sáng tỏ nhận định của Cờ-lau Xva-bơ: "cách mạng công nghiệp lần thứ nhất sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất"

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

BÀI 11: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- Nêu được những thành tựu tiêu bểu của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai
- Hiểu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái đội đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Rèn luyện các kĩ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch ử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

+ Góp phần hình thành và phát trển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. .**Sản phẩm:** Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Em hãy tưởng tượng nếu cuộc sống của chúng ta bây giờ không có điện thì sẽ như thế nào

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

Sau cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, thế giới đã có nhiều biến đổi với sự xuất hiện của các phương tiện máy móc. Nước Anh trở thành một nước công nghiệp hàng đầu thế giới. Đến nửa sau TK XIX nhiều thành tựu khoa học và kĩ thuật mới xuất hiện đã dẫn đến sự hình thành và phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai. Để hiểu rõ về quá trình này chúng ta cùng đi vào bài học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

a. Mục tiêu: Nêu được bối cảnh lịch sử và những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

? Đọc thông tin SGK và hãy cho biết cuộc cách mạng Công nghiệp làn thứ hai diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào?

Nhiệm vụ 2: Thành tựu tiêu biểu

GV chia HS thành 4 nhóm

+ Nhóm 1: Trình bày những phát minh trong sử dụng điện năng?

+ Nhóm 2: Trình bày những phát minh trong ngành luyện kim?

+ Nhóm 3: Trình bày những phát minh trong ngành giao thông vận tải?

+ Nhóm 4: Trong các phát minh thì phát minh nào là quan trọng nhất? Vì sao

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

II. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

1. Bối cảnh lịch sử

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra từ thập niên 70 của thế kỉ XIX đến năm 1914. Khởi nguồn từ nước Mỹ.
- Quá trình công nghiệp hóa đang diễn ra mạnh mẽ thể hiện ở ngành điện, vận tải, hóa học, sản xuất thép…
- Từ đầu thế kỉ XVIII- đến giữa thế kỉ XIX, các ngành khoa học Vật Lý, Hóa học, Sinh học… đạt được nhiều thành tựu to lớn. Quan trọng nhất là sự ra đời của điện và động cơ đốt trong.

2. Thành tựu tiêu biểu

Các phát minh về điện	- Những khám phá về điện của Pha-ra-đây, Ê-đi-xơn, Tết-la đã thúc đẩy việc ứng dụng nguồn năng lượng điện vào cuộc sống. - Năm 1876, A-lếch-xan G. Beo phát minh ra điện thoại - Năm 1879, Thô-mát Ê-đi-xơn đã phát minh ra bóng đèn điện. - Năm 1913, tuốc bin hơi nước ra đời.
Luyện kim	- Kĩ thuật luyện kim được cải tiến với việc sử dụng lò cao

Giao thông vận tải	- Dầu dầu mỏ được sử dụng và cung cấp nguyên liệu mới cho giao thông vận tải. - Năm 1886, chiếc ô tô đầu tiên trên thế giới được Các Ben phát minh - Năm 1903, Hai anh em nhà Rai người Mỹ đã chế tạo thành công chiếc máy bay đầu tiên

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

GV tổ chức trò chơi " Bảo vệ rừng xanh": Trả lời đúng các câu hỏi để giúp các chú khỉ ngăn chặn hành vi phá rừng của nhóm lâm tặc

Câu 1. Phát minh tiêu biểu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai là:

Câu 2. Năm 1903, phát minh nào ra đời có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực GTVT?

Câu 3. Nguồn năng lượng mới nào được phát hiện trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 và được mệnh danh là " nguồn năng lượng của người nghèo"?

Câu 4. Ai là người phát minh ra ô tô đầu tiên

Câu 5. "Ông vua" xe hơi nước Mỹ là ai?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu 1. Điện và động cơ điện

Câu 2. Máy bay

Câu 3. Dầu mỏ

Câu 4. Các Ben

Câu 5. Hen-ri Pho

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS: Em hãy chọn và phân tích một thành tựu văn minh trong hai cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống và việc học tập của bản thân.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

BÀI 11: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI (T3)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai
- Hiểu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái đội đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Rèn luyện các kĩ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch ử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

+ Góp phần hình thành và phát trển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3.Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2.Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Đây là thành phố nào?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

a. Mục tiêu: Hiểu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái đội đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS đọc sgk thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

+ Nhóm 1,2: Trình bày ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại?

+ Nhóm 3,4: Trình bày tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đối với xã hội?

+ Nhóm 5,6: Trình bày tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đối với văn hóa?

HS đoạc SGK và trả lời câu hỏi

? Quan sát các bức ảnh sau và cho biết tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại đối với xã hội?

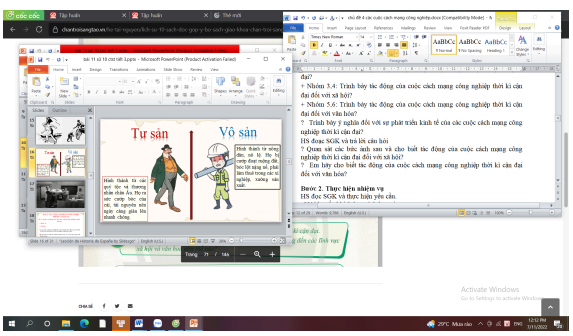

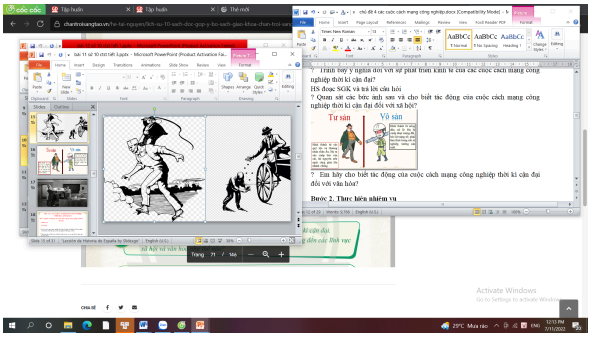

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

III. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

1. Kinh tế.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đã thúc đẩy quá trình thị trường hóa nền kinh tế thế giới.

- Nền sản xuất lớn bằng máy móc đã giải phóng sức lao động, làm thay đổi cách thức lao động của con người.

2. Xã hội

- Cách mạng công nghiệp cận đại đã có những tác động mạnh đưa đến những chuyển biến tích cực lớn lao trong đời sống văn hóa

- Cách mạng công nghiệp cũng tạo ra những tác đông tiêu cực như: Ô nhiễm môi trường, bóc lột lao động phụ nữ và trẻ em

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

? Hoàn thành bảng thống kê hai cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại theo các tiêu chí sau:

Lĩnh vực	Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất	Cách mạng công nghiệp lần thứ hai
Đặc điểm		
Thành tựu nổi bật		
Ý nghĩa, giá trị		
Tác động kinh tế		
Tác động xã hội		

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Em hãy trình bày một tác động về văn hóa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai đối với đất nước hoặc bản thân em.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn.....
Ngày dạy.....

BÀI 12: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI (T1)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư
- Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái đội đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Rèn luyện các kĩ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch ử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

+ Góp phần hình thành và phát trển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS, giúp HS nhận thức được đây là một sự kiện lịch sử. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

Nhìn hình ảnh và đoán tên các dòng laptop do quốc gia nào sản xuất?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

Trong thời kì hiện đại, thế giới tiếp tục chứng kiến hai cuộc cách mạng công nghiệp trong đó trí tuệ con người đã làm chủ, dẫn dắt sự đổi mới của máy móc, tác động tích cực đến phát triển thể chất và tinh thần của con người. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mjang 4.0) đã tạo ra sự thay đổi toàn diện nền kinh tế thế giới và những vấn đề toàn cầu. Bài học này sẽ giúp các em phân tích rõ những nội dung đã nêu trên.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

- Nêu được những thành tựu tiêu của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

Đọc thông tin SGK, hãy trình bày bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba?

Nhiệm vụ 2: Thành tựu tiêu biểu

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Trình bày sự ra đời của máy tính

+ Nhóm 2: Trình bày sự ra đời và phát triển của Internet

+ Nhóm 3: Trình bày sự bùng nổ của công nghệ thông tin

+ Nhóm 4: Liệt kê công dung của các thiết bị điện tử

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

1. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

1. Bối cảnh lịch sử

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra vào nửa sau thế kỷ XX, khởi đầu ở nước Mỹ, còn được gọi là cuộc cách mạng số.

- Từ nữa sau thế kỉ XX, nhiều nguồn năng lượng và vật liệu có sẵn trong tự nhiên đang cạn kiệt. Nhân loại đang phải đối mặt với nhiều vấn đề như ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số…
- Sự ra đời của nhiều thành tựu khoa học, phát minh..

2. Thành tựu tiêu biểu

- Máy tính

- Máy tính điện tử ra đời đã dẫn đến tự động hóa trong quá trình sản xuất giải phóng sức lao động của con người.

- Sự ra đời của Internet

- Internet được phát minh năm 1957 bởi văn phòng Xử lí Công nghệ thông tin ARPA (Mỹ)
- Năm 1969, Internet được khai thác sử dụng, từ năm 1991 Web và internet phát triển một cách nhanh chóng.

- Sự bùng nổ công nghệ thông tin

- Công nghệ thông tin là một nhánh ngành kỉ thuật máy tính và phần mềm để chuyển đổi, lưu giữ, bảo vệ, xử lý, truyền tải và thu thập thông tin.
- Sự ra đời của mạng kết nối không dây là một bước tiến quan trọng của ngành công nghệ thông tin.

- Các thiết bị điện tử

- Thiết bị điện tử là loại thiết bị có chứa linh kiện bán dẫn và cá mạch điện tử cho phép tự động hóa trong các quá trình công nghệ và kiểm tra sản phẩm.
- Nhiều thiết bị được chế tạo, như thiết bị viễn thông, thiết bị thu thanh và truyền hình, thiết bị y tế….

GV bổ sung Bối cảnh lịch sử

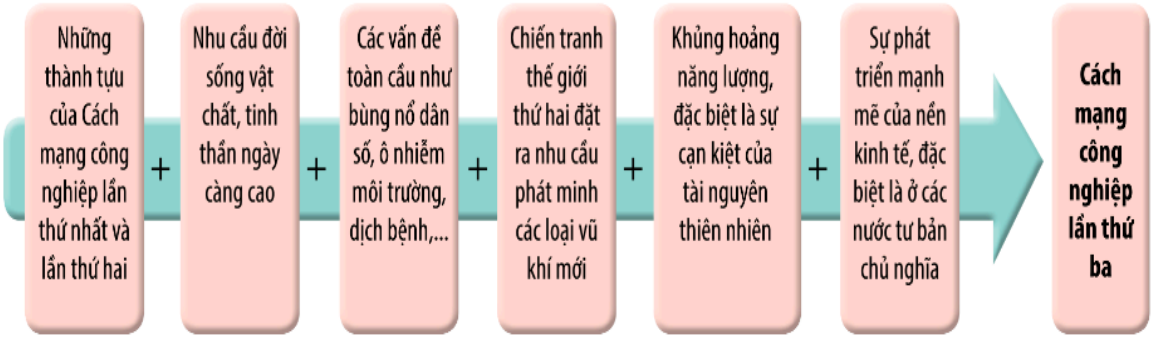

Sơ đồ 9.1. Bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

GV bổ sung Thành tựu tiêu biểu

Internet

Tiền thân của mạng Internet ngày nay là mạng ARPANET. Cơ quan quản lý dự án nghiên cứu phát triển ARPA thuộc bộ quốc phòng Mỹ liên kết 4 địa điểm đầu tiên vào tháng 7 năm 1969 bao gồm: Viện nghiên cứu Stanford, Đại học California, Los Angeles, Đại học Utah và Đại học California, Santa Barbara. Đó chính là mạng liên khu vực (Wide Area Network - WAN) đầu tiên được xây dựng.

Mốc lịch sử quan trọng của Internet được xác lập vào giữa thập niên 1980 khi tổ chức khoa học quốc gia Mỹ NSF thành lập mạng liên kết các trung tâm máy tính lớn với nhau gọi là NSFNET. Nhiều doanh nghiệp đã chuyển từ ARPANET sang NSFNET và do đó sau gần 20 năm hoạt động, ARPANET không còn hiệu quả đã ngừng hoạt động vào khoảng năm 1990.

WWW là viết tắt của cụm từ World Wide Web hay còn hiểu là mạng lưới toàn cầu. Đây là nơi chứa thông tin, tài liệu và nguồn tài nguyên của mọi website trên toàn cầu.

Người sáng lập World Wide Web: Berners - Lee

Sinh ngày 9-6-1955 tại London

- 1976 tốt nghiệp Oxford

- 1980 làm việc cho CERN, viết "Enquire"

- 1989 đề xuất dự án siêu văn bản toàn cầu gọi là "World Wide Web"

- 1991 web khởi sự hoạt động trên Internet

- 1993 Trường đại học Illinois tung ra phần mềm browser Mosaic

- 1994 gia nhập MIT, lãnh đạo tổ hợp W3

- 1999 đến nay có khoảng 150 triệu người nối mạng Internet mỗi tuần

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

HS tham gia trò chơi: Ai là triệu phú

Câu 1: Máy tính nào được coi là cha đẻ của máy tính hiện đại.

A. Apple.

B. Sam Sung

C. Eniac

D. Lenovo

Câu 2: Ý nào KHÔNG phản ánh đúng bối cảnh lịch sử dẫn đến cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba:

A. Những tiến bộ khoa học, kĩ thuật vào đầu thế kỉ XX

B. Xu thế toàn cầu hóa

C. Sự vơi cạn các nguồn tài nguyên hóa thạch

D. Cuộc chạy đua vũ trang giữa các cường quốc

Câu 3: Cách mạng công nghiệp lần thứu ba khởi đầu từ nước nào?

A. Anh

B. Pháp

C. Đức

D. Mỹ

Câu 4: Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật sau chiến tranh thế giới thứ hai là:

A. Kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất

B. Sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học-công nghệ

C. Mọi phát minh đều bắt nguồn từ sản xuất

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

Câu 5: Ai là người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng?

A. U Ga-ga-rin

B. Phạm Tuân

C. Bu A-đin

D. Neo Am-strong

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	C	D	D	B	D

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Hãy chọn và kể tên một số thành tựu cách mạng công nghiệp lần thứ ba có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển văn minh thế giới. Hãy giải thích lí do lựa chọn của em.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

BÀI 12: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI (T2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công thời kief hiện đại
- Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái đội đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt
+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.
+ Rèn luyện các kĩ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch ử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại
+ Góp phần hình thành và phát trển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử
- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. .**Sản phẩm:** Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

? Xem video và cho biết: Điểm khác biệt cơ bản của robot Sopia với các robot trước đó.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

Bước vào TK XXI, quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, thúc đẩy hợp tác phát triển giữa các quốc gia trên toàn thế giới, góp phần thay đổi đời sống vật

chất và tinh thần của người dân. Đồng thời với đó là sự ra đời cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, để hiểu rõ quá trình nafyc húng ta cùng tìm hiểu vào học hôm nay.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

a. Mục tiêu: Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Bối cảnh lịch sử

? Đọc thông tin SGK, hãy trình bày bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư?

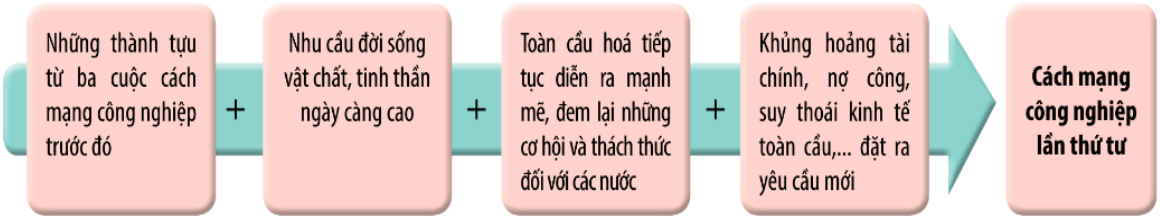

Sơ đồ 9.2. Bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Nhiệm vụ 2: Thành tựu tiêu biểu

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Trình bày khái niệm và thành tựu về trí tuệ nhân tạo

+ Nhóm 2: Trình bày những thành tựu về internet kết nối vạn vật

+ Nhóm 3: Trình bày khái niệm và những thành tựu về dữ liệu lớn (Big data)

+ Nhóm 4: Trình bày những thành tựu về Công nghệ sinh học và các lĩnh vực khác

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

II. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

1. Bối cảnh lịch sử

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng 4.0) bắt đầu từ những năm đầu tiên của thế kỷ XXI và vẫn đang tiếp diễn.

- Cuộc cách mạng 4.0 diễn ra trong bối cảnh nhân loại đã trải qua nhiều cuộc cách mạng với những tiến bộ lớn về khoa học, kĩ thuật và công nghệ.
- Nhân loại cũng đang phải đối mặt với hang loạt vấn đề như bùng nổ dân số, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh…

2. Thành tựu tiêu biểu

Những yếu tố cốt lõi của kĩ thuật số trong Cách mạng công nghiệp 4.0 là trí tuệ nhân tạo (AI), Internet kết nối vạn vật (loT) và dữ liệu lớn (big Data).

- Trí tuệ nhân tạo

- Trí tuệ nhân tạo là khoa học và kĩ thuật sản xuất máy móc thông minh
- Trí tuệ nhân tạo được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như nhà máy thông minh, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, xây dựng…

- Internet kết nối vạn vật

- Là mối quan hệ giữa các sự vật như sản phẩm, dịch vụ, địa điểm…và con người, hình thành nhờ sự kết nối của nhiều công nghệ và nhiều nền tảng khác nhau.

- Dữ liệu lớn (big data)

- Là một tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp bao gồm các khâu phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.
- Được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như sản xuất, xây dựng, giao thông vận tải, quản lí nhà nước…

- Công nghệ sinh học

- Công nghệ sinh học và sự phát triển của các ngành, đa ngành cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn.
- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực vật lý, máy in 3D, công nghệ na-nô….

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.
b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:
Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS
HS tham gia trò chơi: Đào vàng, mỗi câu hỏi tương ứng với một số vàng nhất định. HS vượt qua các câu hỏi để tìm được số vàng mong muốn.
Câu 1: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cuộc cách mạng kết hợp giữa các công nghệ ảo và thực tế, thông qua các công nghệ nào?
Câu 2: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ thế kỷ nào?
Câu 3: Nguồn gốc chung của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử là:
Câu 4: Trong các phát minh sau, phát minh nào không phải là thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư?
A. Trí tuệ nhân tạo
B. Internet
C. Dữ liệu lớn
D. Điện toán đám mây

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.
Sản phẩm dự kiến
Câu 1: Trí tuệ nhân tạo, internet kết nối vạn vật và dữ liệu lớn.
Câu 2: Thế kỉ XXI
Câu 3: Nhu cầu ngày càng cao của cuộc sống và sản xuất
Câu 4: B

4. Hoạt động vận dụng
a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng
b. Nội dung:
+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Hằng ngày, gia đình, bạn bè và bản thân em thường sử dụng thiết bị điện tử nào? Theo em sự ra đời của các thiết bị điện tử, hệ thống internet…có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống hiện nay?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****

Ngày soạn.....

Ngày dạy.....

BÀI 12: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ HIỆN ĐẠI (T3)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại
- Nêu được những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công thời kì hiện đại.
- Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp thơi fkif hiện đại đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã hội. Từ đó có thái đội đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.
- Năng lực chuyên biệt

+ Tái hiện kiến thức lịch sử, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

+ Rèn luyện các kĩ năng sưu tầm sử dụng tư liệu lịch ử để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

+ Góp phần hình thành và phát trển các năng lực tìm hiểu lịch sử nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Khách quan, trung thực chăm chỉ có ý thức tự tìm tòi khám phá lịch sử.

II . THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 10
- Phương tiện làm việc nhóm
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Khơi gợi sự chú ý của HS. Tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài học mới

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ

? Nhìn logo đoán tên ứng dụng

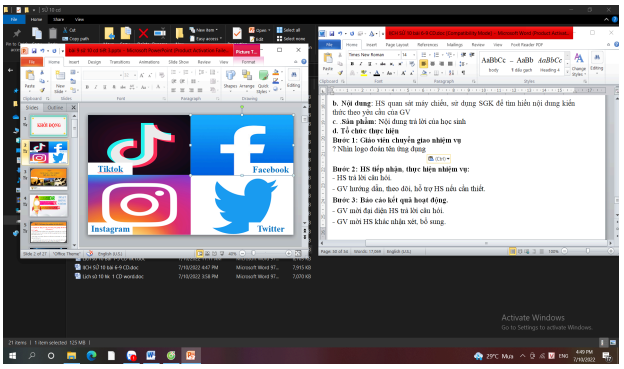

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh và dẫn vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

a. Mục tiêu: Nêu được ý nghĩa và phân tích được những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với sự phát triển kinh tế văn hóa xã

hội. Từ đó có thái đội đúng đắn với những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử.

b. Nội dung: Huy động hiểu biết đã có của bản thân và nghiên cứu sách giáo khoa suy nghĩ cá nhân trả lời các câu hỏi của giáo viên.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi của giáo viên.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Ý nghĩa

GV chia HS thành 6 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1,2: Trình bày ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại?

+ Nhóm 3,4: Trình bày tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với xã hội?

+ Nhóm 5,6: Trình bày tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với văn hóa

Nhiệm vụ 2: Tác động

GV chia HS làm 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ

+ Nhóm 1: Trình bày khái niệm và thành tựu về trí tuệ nhân tạo

+ Nhóm 2: Trình bày những thành tựu về internet kết nối vạn vật

+ Nhóm 3: Trình bày khái niệm và những thành tựu về dữ liệu lớn (Big data)

+ Nhóm 4: Trình bày những thành tựu về Công nghệ sinh học và các lĩnh vực khác

HS thảo luận vấn đề:

Các bạn nam

- Một ngày em chơi game/ lên mạng xã hội khoảng trung bình khoảng bao nhiêu thời gian?
- Theo em, chơi game có lợi và có hại gì?

Các bạn nữ

- Một ngày em lên các trang (app) mạng xã hội khoảng trung bình khoảng bao nhiêu thời gian?
- Em suy nghỉ gì về hiện tượng "Sống ảo" hiện nay?
- Em suy nghỉ gì về câu nói " mạng xã hội là con dao hai lưỡi" ?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK và thực hiện yêu cầu.

GV khuyến khích học sinh hợp tác.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận.

HS trả lời, nhóm khác nhận xét

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của học sinh, chốt nội dung.

III. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

1. Kinh tế

- Những ứng dụng của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đã làm thay đổi vị trí, cơ cấu các ngành sản xuất và các vùng kinh tế, làm xuất hiện nhiều ngành công nghệ mới.
- Lao động trí tuệ trở thành yếu tố quan trọng nhất trong sản xuất. Là động lực chủ yếu tạo nên sự phát triển.
- Cách mạng công nghiệp lần thứu tư tạo nên một thế giới kết nối, hình thành các mối quan hệ cộng tác, các hình thức hợp tác mới.

2. Xã hội

- Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại làm cho sự phân công lao động và chuyên môn ngày càng sâu sắc.
- Các ngành phi vật chất ngành càng được nâng cao.
- Tuy nhiên, cũng làm cho tình trạng thất nghiệp trên toàn cầu gia tang, dẫn đến những nguy cơ bất ổn về chính trị, xã hội.

3. Văn hóa

- Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại góp phần thúc đẩy sự đa dạng văn hóa trên cơ sở kết nối toàn cầu, giúp các quốc gia, dân tộc sát lại gần nhau hơn.
- Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại cũng ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa truyền thống: sự xuất hiện những yếu tố văn hóa ngoại lai, sự phụ thuộc vào công nghệ.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm một số bài học cụ thể để củng cố, khắc sâu kiến thức vừa học.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS lắng nghe ghi nhớ

d. Tổ chức hoạt động:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS

Lập bảng thống kê về những thành tựu tiêu biểu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại theo gợi ý dưới đây?

STT	Tên thành tựu	Tên tác giả	Thời điểm ra đời	Quốc gia xuất hiện đầu tiên	Lĩnh vực	Ý nghĩa (tại thời điểm xuất hiện và hiện này)
1						

2						
3						

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm lại các kiến thức vừa tìm hiểu để vận dụng

b. Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c. Sản phẩm: HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ của GV giao

d.Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiêm vụ cho HS: Qua việc học trên lớp và quan sát đời sống xung quanh, em hãy chỉ ra những tác động tích cực và tiêu cực của một phát minh trong cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại. Theo em, chúng ta có thể hạn chế/ tránh được những mặt tiêu cực của phát minh đó hay không? Hãy lấy ví dụ để chứng minh cho quan điểm trên

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

****